

Số: 1122/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
Cung cấp vật tư y tế tiêu hao dùng chung năm 2022

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 3446/QĐ-BYT ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chuyển đổi loại hình hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-BVĐHYD ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp vật tư y tế tiêu hao dùng chung năm 2022;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 04/TTr-VTTB ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp vật tư y tế tiêu hao dùng chung năm 2022 và Báo cáo thẩm định số 03/BCTĐ-TTĐ ngày 11 tháng 6 năm 2022 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp vật tư y tế tiêu hao dùng chung năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp vật tư y tế tiêu hao dùng chung năm 2022 với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu, số sản phẩm và giá trúng thầu, như sau:

STT	Mã HSDT	Nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trị (VND)
1	1	Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam	1	10.500.000
2	2	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Y Khoa Việt Long	3	354.800.000

Mở

STT	Mã HSDT	Nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trị (VND)
3	3	Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh	4	1.387.000.000
4	5	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	5	263.625.000
5	6	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	22	9.752.698.102
6	7	Liên danh Phú Tài	3	8.171.960.000
7	9	Công ty TNHH Trang thiết bị Vật tư y tế Thiện Tâm	5	531.000.000
8	10	Công ty Cổ phần Thương mại Dược Vật tư y tế Hà Nội	18	286.110.000
9	11	Công ty TNHH Dược phẩm Đan Lê	2	13.962.500
10	12	Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Olympic	1	103.950.000
11	13	Cửa hàng Dụng cụ Y khoa Số 9	1	1.125.000.000
12	15	Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Nguyên	4	1.236.362.000
13	17	Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Hợp Lực	2	199.500.000
14	18	Công ty Cổ phần Thiết Bị Metech	15	1.330.261.000
15	19	Công ty TNHH Dược phẩm Tuệ Hải	1	4.914.000
16	21	Công ty TNHH Y Tế Bình Minh	2	850.310.000
17	22	Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Công Vàng	2	10.920.000
18	24	Công ty TNHH Dược phẩm Quốc Tế	4	102.150.000
19	27	Công ty Cổ phần Phân phối và Đầu tư Patco	3	1.507.454.400
20	28	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Hoàng Ánh Dương	9	13.885.518.500

STT	Mã HSDT	Nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trị (VND)
21	29	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Minh Hoàng	4	2.122.260.000
22	30	Công ty TNHH Thương mại Thiết bị y tế An Pha	2	3.696.000.000
23	31	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	9	5.438.790.800
24	32	Công ty TNHH Vật Liệu Y tế Việt	4	1.116.622.500
25	33	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Bảo Thạch	10	2.042.124.000
26	34	Công ty TNHH Đạt Phú Lợi	13	2.868.465.000
27	36	Công ty Cổ phần Nhựa Y tế Việt Nam	6	1.192.759.000
28	37	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	1	1.960.000.000
29	39	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Diên Niên và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hạnh Minh	8	11.813.834.000
30	40	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại 3TK	1	157.950.000
31	41	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nam	1	1.193.400.000
32	45	Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương	2	1.017.900.000
33	46	Công ty CP TM DV XNK Viên Phát	10	3.529.793.375
34	47	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường Thủy	2	1.050.000.000
35	48	Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Tân Thành	2	1.393.000.000
36	49	Công ty TNHH Thiết bị y tế EMC	1	33.600.000
37	50	Công ty TNHH Công nghệ An Pha	1	433.000.000

9
BỆNH
TINH
TR. HỒ
DUY

NGUYỄN

STT	Mã HSDT	Nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trị (VND)
38	51	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị y tế Nhật Minh	7	887.919.600
39	53	Công ty TNHH Dược phẩm B.H.C	6	428.700.000
40	54	Công ty TNHH Một thành viên Ngôi Sao Y tế	2	42.240.000
41	57	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Thời Thanh Bình	3	863.200.000
42	58	Công ty TNHH Thiết bị y tế Khải Vinh	5	1.883.800.000
43	61	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	6	608.623.000
44	62	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế B.M.S	1	132.600.000
45	63	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	8	4.668.510.000
46	64	Công ty TNHH Y tế Việt Tiến	9	1.480.840.000
47	65	Công ty TNHH Thiết bị y tế DMED	2	474.000.000
48	66	Công ty TNHH Thương mại Minh An	5	1.345.220.000
49	67	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Giải Pháp Việt	6	1.030.312.500
50	68	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Tín	4	9.930.080.000
51	71	Công ty TNHH Công Nghệ Y học Chí Anh	2	223.146.000
52	74	Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Bảo Nguyên	1	60.480.000
53	75	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng	1	673.200.000
54	76	Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco	4	1.074.155.000

STT	Mã HSDT	Nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trị (VND)
55	77	Công ty TNHH Thiết bị y tế Thái Sơn	1	85.311.600
56	78	Công ty TNHH Trang thiết bị và Vật tư y tế Hoàng Việt Long	21	5.818.186.500
57	79	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tà Thiên Ân	1	1.302.000.000
58	80	Công ty TNHH Thiết bị y tế Y Phương	5	171.469.410
59	82	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Lộc	14	8.178.442.500
60	83	Công ty TNHH Mega Lifesciences Việt Nam	15	5.464.187.500
61	85	Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ y tế Gia Ngọc	1	346.500.000
62	87	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Mai Việt Anh	3	611.070.000
63	88	Công ty Cổ phần Dược Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa Vũng Tàu	9	421.128.600
64	90	Công ty TNHH Thương mại Thiết bị y tế An Lợi	4	114.628.800
65	91	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Y tế Định Giang	4	867.150.000
66	92	Liên danh Hoàng Khải Minh - An Dung	1	917.654.400
67	93	Công ty TNHH Huy Thông	1	185.220.000
68	94	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc Tế Vavi	6	1.642.147.500
69	95	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Phương	1	102.000.000

noa

STT	Mã HSDT	Nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trị (VND)
70	96	Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam CTCP	6	403.453.000
71	97	Công ty Cổ phần Thiết Bị Sài Gòn	1	1.620.000.000
72	98	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Anh Khoa	2	221.886.000
73	99	Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Trọng Tín	20	1.835.322.300
74	101	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khởi Tâm	1	140.000.000
75	102	Công ty TNHH Dược Kim Đô	11	1.316.910.000
76	103	Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật An Pha	33	11.800.450.000
77	104	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hiệp Lợi	1	68.125.000
78	105	Công ty Cổ phần Công Nghệ AMC Việt Nam	1	115.500.000
Tổng cộng		78 nhà thầu	419 danh mục	151.743.263.387

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.

- Danh mục trúng thầu: *Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm.*
- Danh mục không trúng thầu (danh mục không có sản phẩm dự thầu hoặc sản phẩm dự thầu không đáp ứng yêu cầu của HSMT): *Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm.*
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phòng Vật tư thiết bị chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng phòng Vật tư thiết bị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *TVL*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCG (J06-026-nnminh) (9).



GIÁM ĐỐC *Zar*

Nguyễn Hoàng Bắc



7/10/2014

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU
(Đính kèm Quyết định số 1122/QĐ-BVDHYD ngày 13 tháng 6 năm 2022)

1 Tên nhà thầu: Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	1	266	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung	3	Pipelle	8200	CooperSurgical Inc, Mỹ	Mỹ	CooperSurgical Inc, Mỹ	Mỹ	25 Cái/ Hộp	Cái	50	210.000	10.500.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	10.500.000

2 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Y Khoa Việt Long

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
2	1	276	Catheter lọc máu 2 nồng độ carbothane, cỡ 14.5Fr, dài 36 -> 50cm	4	Palindrome Chronic Catheter Kit Symmetrical Tip - 14.5FR, dài 36- > 50cm	8888145014, 8888145015, 8888145016, 8888145017.	Cardinal Health Costa Rica, S.A	Costa Rica	Covidien LLC	Mỹ	Hộp/5 cái	Cái	60	4.800.000	288.000.000
3	2	280	Ống thông thẩm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho người lớn	4	Peritoneal Dialysis Catheter-Curl Cath, 2 cuffs, 62cm	8888422170	Cardinal Health Costa Rica, S.A	Costa Rica	Covidien LLC	Mỹ	5 cái / hộp	Cái	10	2.900.000	29.000.000
4	3	281	Ống thông thẩm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho trẻ em	4	Neonatal - Pediatric Peritoneal Dialysis Catheter-Tenckhoff, 2 cuff, 31-32cm	8812329002,8810890014.	Cardinal Health Costa Rica, S.A	Costa Rica	Covidien LLC	Mỹ	1 bộ/ hộp	Bộ	20	1.890.000	37.800.000
Tổng cộng:		3	danh mục											Giá trị:	354.800.000

3 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
5	1	100	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 10 x 8 x 3cm	3	Xốp phủ vết thương kiểu F kèm công hút dịch mềm cỡ nhỏ	66800794	Viant Medical Inc.	Mỹ	Smith& Nephew	Anh Quốc	Gói / 1 bộ	Bộ	110	1.900.000	209.000.000
6	2	101	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 20 x 13 x 3cm	3	Xốp phủ vết thương kiểu F kèm công hút dịch mềm cỡ trung bình	66800795	Viant Medical Inc.	Mỹ	Smith& Nephew	Anh Quốc	Gói / 1 bộ	Bộ	220	2.300.000	506.000.000



Handwritten signature and initials.

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
7	3	102	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 25 x 15 x 3cm	3	Xốp phủ vết thương kiểu F kèm có công hút dịch mềm cỡ lớn	66800796	Viant Medical Inc.	Mỹ	Smith& Nephew	Anh Quốc	Gói / 1 bộ	Bộ	60	2.500.000	150.000.000
8	4	220	Cán chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 750ml	3	Cán chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 750ml	66800916	NPA de Mexico S.de R.L de C.V.	Mexico	Smith& Nephew	Anh Quốc	1 cái/gói	Cái	290	1.800.000	522.000.000
Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	1.387.000.000

4 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
9	1	511	Miếng đặt vùng cằm	6	Vật liệu cấy ghép lâu dài trong cơ thể: Miếng đặt vùng mặt (cằm)	AB-4460-20, AB-4470-20, AB-4480-20, C1-4370-20, D1-4480-20, E1-5895-20	KEOSAN TRADING CO., LTD	Hàn Quốc	KEOSAN TRADING CO., LTD	Hàn Quốc	Hộp/ 1cái	Cái	3	2.000.000	6.000.000
10	2	512	Miếng đặt vùng mũi	6	Vật liệu cấy ghép lâu dài trong cơ thể: Miếng đặt vùng mặt (mũi)	MA45-20,TA55-20,TB60-20,TB70-20,TC50-20,T50-20,T60-20,MIMI-A,MIMI-B,MIMI-C,HIGHKO	KEOSAN TRADING CO., LTD	Hàn Quốc	KEOSAN TRADING CO., LTD	Hàn Quốc	Gói/1 cái	Cái	60	1.200.000	72.000.000
11	3	518	Gen định hình bụng sau phẫu thuật cắt da mỡ bụng/hút mỡ bụng	3	QUẦN ÁO MẶC SAU PHẪU THUẬT VOE GARMENT, NUHA GARMENT - 3014	3014	VOE,S,A	Tây Ban Nha	VOE,S,A	Tây Ban Nha	Hộp/1 cái	Cái	60	2.585.000	155.100.000
12	4	519	Quần áo định hình sau phẫu thuật cắt da mỡ đùi/hút mỡ đùi	3	QUẦN ÁO MẶC SAU PHẪU THUẬT VOE GARMENT, NUHA GARMENT - 3010	3010	VOE,S,A	Tây Ban Nha	VOE,S,A	Tây Ban Nha	Hộp/1 cái	Cái	5	2.915.000	14.575.000
13	5	520	Gen vùng mặt sau phẫu thuật căng da mặt/cổ	3	QUẦN ÁO MẶC SAU PHẪU THUẬT VOE GARMENT, NUHA GARMENT - 1002, 1003	1002, 1003	VOE,S,A	Tây Ban Nha	VOE,S,A	Tây Ban Nha	Hộp/1 cái	Cái	10	1.595.000	15.950.000
Tổng cộng:		5	danh mục											Giá trị:	263.625.000

5 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
14	1	90	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 86 - 92 mg	3	Miếng dán sát khuẩn Biopatch 92mg	44150	Integra Neurosciences	Mỹ	Ethicon, Inc	Mỹ	Hộp 10 miếng	Miếng	450	146.118	65.753.100
15	2	345	Băng keo có chỉ thị hóa học, cỡ 1.9cmx55m, dùng cho máy STERRAD100S/100 NX	3	Băng keo có chỉ thị hóa học STERRAD SealSure	14202NL	Hogy Medical Co., Ltd.	Nhật Bản	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Hộp/ 6 cuộn	Cuộn	84	699.993	58.799.412

STT	STT theo nhà thầu	Sit theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
16	3	458	Băng đựng hóa chất dùng cho máy Sterrad 100NX	3	Băng đựng hydrogen peroxide cho máy tiệt khuẩn - STERAD 100NX Cassette	10144	ASP Global Manufacturing GmbH	Thụy sĩ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Hộp/2 băng	Băng	1.070	2.130.177	2.279.289.390
17	4	459	Băng đựng hóa chất, dùng cho máy Sterrad 100S	3	Băng đựng hydrogen peroxide cho máy tiệt khuẩn - STERAD 100S Cassette	10113	ASP Global Manufacturing GmbH	Thụy sĩ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Hộp/5 băng	Băng	1.400	1.852.200	2.593.080.000
18	5	461	Bộ bảo dưỡng định kỳ 12 tháng dùng cho máy Sterrad 100NX	Không phân nhóm	Bộ bảo dưỡng máy tiệt khuẩn STERRAD 100NX	05534416002	Jabil Circuits, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products	Mỹ	Hộp/1 bộ	Bộ	3	137.610.000	412.830.000
19	6	462	Bộ bảo dưỡng định kỳ 6 tháng dùng cho máy Sterrad 100NX	Không phân nhóm	Bộ bảo dưỡng máy tiệt khuẩn STERRAD 100NX	05534414001	Coast Pneumatics, Inc	Mỹ	Advanced Sterilization Products	Mỹ	Hộp/1 bộ	Bộ	6	70.840.000	425.040.000
20	7	463	Bộ bảo dưỡng định kỳ 12 tháng dùng cho máy Sterrad 100S	Không phân nhóm	Bộ bảo dưỡng máy tiệt khuẩn STERRAD 100S	05-06899-2-200	Exact Industries, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products	Mỹ	Hộp/1 bộ	Bộ	4	27.665.000	110.660.000
21	8	464	Bộ bảo dưỡng định kỳ 6 tháng dùng cho máy Sterrad 100S	Không phân nhóm	Bộ bảo dưỡng máy tiệt khuẩn STERRAD 100S	05-06899-2-100	Exact Industries, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products	Mỹ	Hộp/1 bộ	Bộ	8	17.930.000	143.440.000
22	9	468	Que thử có chỉ thị hóa học dùng cho máy STERRAD 100S/100NX	3	Que chỉ thị hóa học STERRAD	14100	Indilab, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng 4 hộp, hộp 250 que	Que	11.310	2.037	23.038.470
23	10	472	Giấy in dùng cho máy Sterrad 100 NX	Không phân nhóm	Giấy in nhiệt dùng cho máy tiệt khuẩn STERRAD	10305	O'Neil Product Development, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Hộp/12 cuộn	Cuộn	50	275.000	13.750.000
24	11	480	Giấy in 2 lớp dùng cho máy Sterrad 100S	Không phân nhóm	Giấy in kết quả dùng cho máy tiệt khuẩn STERRAD 100S	4003175002	Exact Industries, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Hộp/1 cuộn	Cuộn	77	316.800	24.393.600
25	12	483	Khay đựng dụng cụ nội soi, cỡ 600x200x50mm	3	Khay đựng dụng cụ cho tiệt khuẩn APTIMAX	13831	Hi-Tech Mold & Tool, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/2 cái	Cái	6	5.421.255	32.527.530
26	13	484	Khay đựng dụng cụ nội soi, cỡ 300 x 200 x 50mm	3	Khay đựng dụng cụ cho tiệt khuẩn APTIMAX	13829	Hi-Tech Mold & Tool, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/2 cái	Cái	4	3.822.525	15.290.100
27	14	485	Khay đựng dụng cụ nội soi, cỡ 450 x 200 x 50mm	3	Khay đựng dụng cụ cho tiệt khuẩn APTIMAX	13830	Hi-Tech Mold & Tool, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/2 cái	Cái	4	5.514.075	22.056.300
28	15	486	Tấm lót khay, các cỡ	3	Tấm lót khay đựng cho dụng cụ tiệt khuẩn	99209, 99210, 99211	QURE Medical	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/2 cái	Cái	14	3.832.500	53.655.000
29	16	498	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 100mm x 70m	3	Cuộn Tyvek đựng dụng cụ tiệt khuẩn với chỉ thị hóa học STERRAD	12410	SPS Medical (Amcor Flexibles SPS)	Pháp	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/6 cuộn	Cuộn	168	1.484.322	249.366.096
30	17	499	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 150mm x 70m	3	Cuộn Tyvek đựng dụng cụ tiệt khuẩn với chỉ thị hóa học STERRAD	12415	Amcor Flexibles SPS	Pháp	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/4 cuộn	Cuộn	392	2.261.637	886.561.704

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
31	18	500	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 200mm x 70m	3	Cuộn Tyvek đựng dụng cụ tiết khuẩn với chỉ thị hóa học STERRAD	12420	Ancor Flexibles SPS	Pháp	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/4 cuộn	Cuộn	288	2.707.698	779.817.024
32	19	501	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 250mm x 70m	3	Cuộn Tyvek đựng dụng cụ tiết khuẩn với chỉ thị hóa học STERRAD	12425	Ancor Flexibles SPS	Pháp	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/4 cuộn	Cuộn	292	2.937.144	857.646.048
33	20	502	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 350mm x 70m	3	Cuộn Tyvek đựng dụng cụ tiết khuẩn với chỉ thị hóa học STERRAD	12435	Ancor Flexibles SPS	Pháp	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/2 cuộn	Cuộn	72	4.129.944	297.355.968
34	21	503	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 75mm x 70m	3	Cuộn Tyvek đựng dụng cụ tiết khuẩn với chỉ thị hóa học STERRAD	12407	Ancor Flexibles SPS	Pháp	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/6 cuộn	Cuộn	66	1.095.780	72.321.480
35	22	506	Chỉ thị sinh học kiểm tra tiết khuẩn nhiệt độ tương thích máy STERRAD	3	Chỉ thị sinh học cho chu trình tiết khuẩn STERRAD Velocity	43210-30	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Hộp/30 ống	Ống	1.920	175.014	336.026.880
Tổng cộng:		22	danh mục											Giá trị:	9.752.698.102

6 Tên nhà thầu: Liên danh Phú Tài

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
36	1	166	Kim lọc thận nhân tạo, cỡ 16G/17G	5	Bộ dây kim cánh ống thông 16G/17G	A30	Công ty TNHH Công nghệ Y tế Perfect Việt Nam	Việt Nam	Công ty TNHH Công nghệ Y tế Perfect Việt Nam	Việt Nam	Cái/ gói, hộp 100 cái	Cái	22.000	6.180	135.960.000
37	2	198	Găng tay sạch không bột, các cỡ	5	Găng tay sạch không bột, các cỡ	DhGloves-ĐHPPF	Công ty Cổ phần găng tay Bình Phước	Việt Nam	Công ty TNHH SX TM Đình Hưng Phát	Việt Nam	Hộp 50 đôi, Thùng 500 đôi	Đôi	4.000.000	1.519	6.076.000.000
38	3	202	Găng tay tiết khuẩn, không bột, dài khoảng 290 ± 10 mm	6	Găng tay phẫu thuật tiết trùng, không bột, các số	HTC.SSPF	Công ty Cổ phần Găng tay HTC	Việt Nam	Công ty Cổ phần Găng tay HTC	Việt Nam	Đôi/ túi, Hộp 50 đôi	Đôi	280.000	7.000	1.960.000.000
Tổng cộng:		3	danh mục											Giá trị:	8.171.960.000

7 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị Vật tư y tế Thiện Tâm

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
39	1	17	Băng cá nhân có gạc dạng nén, cỡ 8x3.5cm	3	Băng gạc cá nhân (Eleban Prestat)	3155062	Toyo Kagaku Co., Ltd	Nhật Bản	Hakuzo Medical Cooperation	Nhật Bản	Hộp/ 50 miếng	Miếng	5.000	11.500	57.500.000
40	2	204	Ống cho ăn, bằng 100% silicone, cỡ từ 12-> 20Fr	3	Bộ ống Silicone nuôi ăn- ống silicone nuôi ăn đường mũi - dạ dày, có phễu và nắp (đầu ép đóng)	8000015275 8000015276 8000015277 8000015278 8000015279	Công ty TNHH Việt Nam Create Medic	Việt Nam	Công ty TNHH Việt Nam Create Medic	Việt Nam	Hộp/ 10 cái	Cái	900	150.000	135.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Số theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
41	3	247	Ông thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 12->26Fr	3	Ông thông tiểu Silicone tiết trùng 2 nhánh.	8000013926 8000013927 8000013928 8000013929 8000013930 8000013931 8000013932 8000013933	Công ty TNHH Việt Nam Create Medic	Việt Nam	Công ty TNHH Việt Nam Create Medic	Việt Nam	Hộp/10 cái	Cái	1.000	160.000	160.000.000
42	4	248	Ông thông tiểu 2 nhánh, bằng silicone, cỡ 6->10F	5	Ông thông tiểu Silicone tiết trùng 2 nhánh.	8000013919 8000013920	Công ty TNHH Việt Nam Create Medic	Việt Nam	Công ty TNHH Việt Nam Create Medic	Việt Nam	Hộp/10 cái	Cái	350	190.000	66.500.000
43	5	252	Ông thông cầm máu bằng cao su 18fr, dài 85cm	6	Ông Silicone cầm máu thực quản và dạ dày	8800000093 8800000094	Dalian Create Medical Products Co., Ltd	Trung Quốc	Create Medic Co., Ltd	Nhật Bản	Gói/1 cái	Cái	40	2.800.000	112.000.000
Tổng cộng:		5	danh mục											Giá trị:	531.000.000

8 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thương mại Dược Vật tư y tế Hà Nội

STT	STT theo nhà thầu	Số theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
44	1	319	Băng cố định chóp xoay khớp vai sau phẫu thuật có gôi đi kèm	5	Băng cố định khớp vai tư thế dạng H1	130	Công ty TNHH Hamco Hung Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	70	205.000	14.350.000
45	2	320	Băng cố định khớp vai sau phẫu thuật không có gôi đi kèm	5	Băng cố định khớp vai H1	110; 120	Công ty TNHH Hamco Hung Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	90	170.000	15.300.000
46	3	322	Đai khớp vai	5	Băng cố định khớp vai ORBE	131	Công ty TNHH Hamco Hung Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	80	90.000	7.200.000
47	4	323	Đai cố định xương đòn	5	Đai số 8 ORBE	140	Công ty TNHH Hamco Hung Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	50	62.000	3.100.000
48	5	325	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới	5	Đai thắt lưng cao cấp- Olumba	250	Công ty TNHH Hamco Hung Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	130	275.000	35.750.000
49	6	326	Đai cổ chân	5	Ankle support (Ôn định cổ chân)	750	Công ty TNHH Hamco Hung Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	30	35.000	1.050.000
50	7	327	Đai treo tay	5	Túi treo tay H1	600	Công ty TNHH Hamco Hung Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	150	32.000	4.800.000
51	8	328	Nẹp đệm ngăn	5	Nẹp đệm ngăn H1	734	Công ty TNHH Hamco Hung Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	180	165.000	29.700.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
52	9	329	Nẹp cẳng tay	5	Nẹp cẳng tay H4	560; 570	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	40	110.000	4.400.000
53	10	330	Nẹp cẳng tay ôm ngón cái	5	Nẹp ngón tay cái H1	460; 470	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	100	130.000	13.000.000
54	11	331	Nẹp cánh cẳng tay	5	Nẹp cánh tay H3	540; 550	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	40	185.000	7.400.000
55	12	332	Nẹp chống xoay ngón	5	Nẹp chống xoay ngón H1	724	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	80	180.000	14.400.000
56	13	334	Nẹp cố định gãy xương đốt gần ngón tay	5	Nẹp Iselin	821	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	70	10.000	700.000
57	14	335	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay	5	Nẹp bóng chày	830	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	40	11.000	440.000
58	15	336	Nẹp cố định khớp gối	5	Nẹp gối H3 - Olego 40cm, 50 cm, 60 cm, 70 cm	760; 770; 780; 790	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	160	210.000	33.600.000
59	16	337	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi	5	Nẹp gối chức năng H1	720	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	160	600.000	96.000.000
60	17	338	Nẹp cổ mềm	5	Nẹp cổ mềm Universal	040	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	60	42.000	2.520.000
61	18	339	Nẹp cổ tay	5	Nẹp cổ tay chun H1	800; 810	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	40	60.000	2.400.000
Tổng cộng:		18	danh mục											Giá trị:	286.110.000

9 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Đan Lê

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
62	1	244	Ống thở ô-xy 2 nhánh, sơ sinh	6	Ống thở ô-xy 2 nhánh, sơ sinh	2 nhánh, sơ sinh	Công ty CP Dược Phẩm và BHYT An Phú	Việt Nam	Công ty CP Dược Phẩm và BHYT An Phú	Việt Nam	Thùng/ 50 cái	Cái	1.500	5.585	8.377.500

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
63	2	245	Ông thờ ô-xy 2 nhánh, trẻ em	6	Ông thờ ô-xy 2 nhánh, trẻ em	2 nhánh, trẻ em	Công ty CP Dược Phẩm và TBYT An Phú	Việt Nam	Công ty CP Dược Phẩm và TBYT An Phú	Việt Nam	Thùng/ 50 cái	Cái	1.000	5.585	5.585.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	13.962.500

10 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Olympic

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
64	1	129	Bơm tiêm insulin, kim 30G	3	Bơm tiêm Insulin	TROJECTOR-U100	Troge Medical GmbH	Đức	Troge Medical GmbH	Đức	Hộp/ 100 cái	Cái	55.000	1.890	103.950.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	103.950.000

11 Tên nhà thầu: Cửa hàng Dụng cụ Y khoa Số 9

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
65	1	288	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 26x36 cm	3	Phim khô laser DI-HL 26x36 cm	DI-HL	Fujifilm	Nhật Bản	Fujifilm	Nhật Bản	Hộp/ 150 cái	Cái	45.000	25.000	1.125.000.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	1.125.000.000

12 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Nguyên

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
66	1	2	Bông gòn, dạng viên, gói 100g	5	Bông viên y tế 100g	BHNV3	An Lành	Việt Nam	An Lành	Việt Nam	Gói/100g	Gói	1.500	15.582	23.373.000
67	2	3	Bông gòn, dạng viên, gói 500g	6	Bông viên y tế 500g	BHNV2	An Lành	Việt Nam	An Lành	Việt Nam	Gói/500g	Gói	1.000	82.299	82.299.000
68	3	45	Gạc phẫu thuật không cản quang, cỡ 10 x 10cm, 8 lớp	5	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	GPTVT7	An Lành	Việt Nam	An Lành	Việt Nam	Gói/ 10 miếng	Miếng	2.000.000	535	1.070.000.000
69	4	46	Gạc phẫu thuật không cản quang, cỡ 7.5x7.5cm, 6 lớp	5	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng	GPTKDV7	An Lành	Việt Nam	An Lành	Việt Nam	Gói/10 miếng	Miếng	170.000	357	60.690.000
Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	1.236.362.000

13 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Hợp Lực

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
70	1	381	Bao chỉ đui trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73-63-45)mmHg	6	Bao chỉ đui (74cm/ 29") dùng cho máy ép hơi chống truyền tắc huyết khối tĩnh mạch VenaFlow Elite	3045	DJO, LLC	Mexico	DJO, LLC	Mỹ	1 đôi/ bao	Đôi	20	1.890.000	37.800.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
71	2	522	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau	6	Bộ dây truyền chống gập máu vàng kèm túi 200ml dùng cho máy bơm giảm đau Rythmic Evolution	KE1.EE.190.9	Micrel Medical Devices S.A.	Hy Lạp	Micrel Medical Devices S.A.	Hy Lạp	20 bộ/ hộp	Bộ	220	735.000	161.700.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	199.500.000

14 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thiết Bị Metech

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
72	1	58	Gạc Hydrocolloid, 10 x 10cm, dày 0.8 ± 0.05 mm	6	Gạc Hydrocolloid tiêu chuẩn (renocare) 10x 10 cm	HD14EN05	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	20	51.600	1.032.000
73	2	60	Gạc hydrocolloid, cỡ 10 x 10cm, dày 2mm	6	Gạc siêu thấm hút hydroColloid + lớp xốp polyurethane (Renocare B) 10 cm x 10 cm	HD21EN03	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	20	70.000	1.400.000
74	3	69	Gạc xốp (foam) tự dính, cỡ 10 x 10 cm, dày 5 mm	6	Miếng Xốp tự dính Renofoam A 10 x10 cm	FS14EN01	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	20	71.600	1.432.000
75	4	70	Gạc xốp (foam) chứa bạc, cỡ 10 x 10cm	6	Gạc Alginate (Renocare Alginate) 10x10 cm	AL14EN03	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	20	61.500	1.230.000
76	5	71	Gạc xốp (foam), 10 x 20cm, dày 5 mm	6	Miếng Xốp RENOFOAM 10 x20 cm	FO14EN05	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	5	103.000	515.000
77	6	72	Gạc xốp (foam), 13 x 10cm, dày 7mm	6	Miếng xốp gót chân 13x10cm	FO14EN33	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	10	318.000	3.180.000
78	7	73	Gạc xốp (foam), 15 x 15cm, dày 5 mm	6	Miếng Xốp RENOFOAM 15 x15cm	FO14EN02	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	10	133.000	1.330.000
79	8	74	Gạc xốp (foam), cỡ 10 x 10cm, dày 5 mm	6	Miếng Xốp RENOFOAM 10 x10 cm	FO14EN01	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	20	61.600	1.232.000
80	9	76	Gạc xốp (foam), tự dính, 15 x 15cm, dày 5 mm	6	Miếng Xốp tự dính Renofoam A 15 x15 cm	FS14EN02	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	5	168.000	840.000
81	10	103	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, 15 x 10 x 1cm	3	Bộ kit Miếng xốp phủ vết thương bằng hút áp lực âm Cở S	34010	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Cộng hòa Séc	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Đức	Gói/ bộ	Bộ	140	2.100.000	294.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
82	11	104	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, 15 x 10 x 3cm	3	Bộ kit Miếng xốp phủ vết thương bằng hút áp lực âm Cờ M	34011	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Cộng hòa Séc	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Đức	Gói/ bộ	Bộ	210	2.200.000	462.000.000
83	12	105	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, 25 x 15 x 3cm	3	Bộ kit Miếng xốp phủ vết thương bằng hút áp lực âm Cờ L	34012	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Cộng hòa Séc	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Đức	Gói/ bộ	Bộ	55	2.490.000	136.950.000
84	13	221	Túi chứa dịch có chất gel tạo đông, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 250/1000ml	3	Túi chứa dịch thải 250ml / 1000ml	32900/ 32901	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Cộng hòa Séc	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Đức	Gói/Cái	Cái	310	1.300.000	403.000.000
85	14	395	Co nối chữ Y	3	Co nối chữ y	33200	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Cộng hòa Séc	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Đức	Gói/1 cái	Cái	2	560.000	1.120.000
86	15	457	Túi phủ vết thương các cỡ	3	Túi phủ vết thương Easydress cỡ S, M, L	34901 34902 34903	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Cộng hòa Séc	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Đức	Gói/1 bộ	Bộ	10	2.100.000	21.000.000
Tổng cộng:		15	đanh mục											Giá trị:	1.330.261.000

15 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Tuệ Hải

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
87	1	443	Bao giày phẫu thuật	5	Bao giày phẫu thuật	TD-G1	Trường Dương	Việt Nam	Trường Dương	Việt Nam	25 đôi/túi 20 túi/thùng	Đôi	3.000	1.638	4.914.000
Tổng cộng:		1	đanh mục											Giá trị:	4.914.000

16 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Y Tế Bình Minh

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
88	1	124	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50ml	6	Bơm tiêm điện 50ml dùng cho máy bơm tiêm điện	50LL	Rays Spa	Italy	Rays Spa	Italy	Túi 1 cái	Cái	100.000	8.500	850.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
89	2	475	Giấy in nhiệt dùng ghi tín hiệu điện tâm đồ, cỡ 110mm x 140mm	6	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140mm x 200 tờ có đường kẻ		Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd	Trung Quốc	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd	Trung Quốc	Xấp/200 tờ	Xấp	10	31.000	310.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	850.310.000

17 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Công Vàng															
STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
90	1	433	Gel điện cơ	3	Gel dẫn truyền điện cơ	016-703700	Weaver and Company	Mỹ	Natus Neurology Incorporated	Mỹ	Hộp/3 lọ 228g	Lọ	10	462.000	4.620.000
91	2	434	Gel làm sạch da	3	Gel tẩy da NuPrep	122-736100	Weaver and Company	Mỹ	Natus Neurology Incorporated	Mỹ	Tupe (hộp) 114g	Hộp	20	315.000	6.300.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	10.920.000

18 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Quốc Tế															
STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
92	1	6	Băng bột bó, cỡ 10cm x 2.7m	6	Băng bột bó xương kích thước 10cm x 2.7m	PLASTER OF PARIS BANDAGE	Anji Hongde	Trung Quốc	Anji Hongde/ Trung Quốc	Trung Quốc	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	600	9.000	5.400.000
93	2	7	Băng bột bó, cỡ 15cm x 2.7m	6	Băng bột bó xương kích thước 15cm x 2.7m	PLASTER OF PARIS BANDAGE	Anji Hongde	Trung Quốc	Anji Hongde/ Trung Quốc	Trung Quốc	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	550	10.500	5.775.000
94	3	9	Băng bột bó, cỡ 7.5cm x 2.7m	6	Băng bột bó xương kích thước 7.5cm x 2.7m	PLASTER OF PARIS BANDAGE	Anji Hongde	Trung Quốc	Anji Hongde/ Trung Quốc	Trung Quốc	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	150	6.500	975.000
95	4	173	Kim sinh thiết gai nhau dùng 1 lần, cỡ 18G	3	Kim sinh thiết Chorion Set	Chorion Set/ PBUTXXYY	M.D.L.Srl	Italia	M.D.L.Srl/ Italia	Italia	Hộp 10 cái	Cái	100	900.000	90.000.000
Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	102.150.000

19 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Phân phối và Đầu tư Patco															
STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
96	1	341	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân, dùng điều trị người bệnh thoái hóa khớp	6	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân	Tricell PRP Kit M	REV-MED	Hàn Quốc	REV-MED	Hàn Quốc	Hộp/ 5 bộ	Bộ	400	3.043.636	1.217.454.400
97	2	548	Ông thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	6	Gọng thở mũi lưu lượng cao	VANC-02	Vincent Medical	Trung Quốc	Vincent Medical	Trung Quốc	Gói/cái	Cái	200	650.000	130.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tin 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
98	3	549	Dây máy thở cho người lớn tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	6	Ông thở dành cho người lớn	510-049	Vincent Medical	Trung Quốc	Vincent Medical	Trung Quốc	Gói/cái	Cái	200	800.000	160.000.000
Tổng cộng:		3	danh mục											Giá trị:	1.507.454.400

20 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Hoàng Ánh Dương

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tin 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
99	1	141	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ	3	VASOFIX SAFETY FEP 18G,1.75 IN.,1.3X45MM-AP VASOFIX SAFETY FEP 20G,1.25 IN.,1.1X33MM-AP VASOFIX SAFETY FEP 22G,1 IN.,0.9X25MM-AP	4268130S-03 4268113S-03 4268091S-03	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Malaysia	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp/50 cái	Cái	95.000	15.330	1.456.350.000
100	2	152	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15 > 20 cm	3	CERTOPIX DUO HF V 720	4168534	B.Braun Melsungen AG	Đức	B.Braun Melsungen AG, Germany	Đức	Hộp/10 cái	Cái	800	551.145	440.916.000
101	3	154	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, cỡ 7Fr, dài 15cm	3	CERTOPIX PROTECT DUO V715	4166159P	B. Braun Melsungen AG	Đức	B.Braun Melsungen AG, Germany	Đức	Hộp/10 cái	Cái	1.000	799.995	799.995.000
102	4	155	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, 7Fr, dài 20cm	3	CERTOPIX PROTECT TRIO V 720	4163214P	B.Braun Melsungen AG	Đức	B.Braun Melsungen AG, Germany	Đức	Hộp/10 cái	Cái	1.000	900.900	900.900.000
103	5	156	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng Polyurethan, cỡ 7Fr, dài 15-> 20cm	3	CERTOPIX TRIO 720	4163206E	B.Braun Melsungen AG	Đức	B.Braun Melsungen AG, Germany	Đức	Hộp/10 cái	Cái	500	529.200	264.600.000
104	6	183	Dây truyền dịch dưới khí tự động, dài 180cm	5	INTRAFIX SAFESET LL, 180 CM TYPE LS.	4063005	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	B.Braun Melsungen AG	Đức	Thùng/100 bộ	Bộ	500.000	18.900	9.450.000.000
105	7	184	Dây truyền dịch tránh ánh sáng, dài 180cm	5	INTRAFIX SAFESET UV-PROTECT. LL, 180CM	4063131	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	B.Braun Melsungen AG	Đức	Thùng/100 cái	Cái	500	28.980	14.490.000
106	8	268	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 140 ± 5cm	5	EXTENSION LINE, TYPE: MINIMUM VOLUME, 140CM	9500065	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp/25 cái	Cái	40.000	12.404	496.160.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
107	9	315	Dao mổ cùng mạc, 15 độ	3	Lưỡi dao rạch vi phẫu cho mắt 15 độ Incision Knife Feather	P-715	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Nhật	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Nhật	Hộp/ 5 bộ	Bộ	650	95.550	62.107.500
Tổng cộng:		9	danh mục											Giá trị:	13.885.518.500

21 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Minh Hoàng

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
108	1	109	Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh, đầu to, 50ml	6	Bơm tiêm Freedom 50ml đầu to		Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/25 cái	Cái	35.000	6.090	213.150.000
109	2	117	Bơm tiêm 10ml, có kim 23G, 25G	6	Bơm tiêm Freedom 10ml kim 23G x 1inc, 25G x 1 inc		Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/100 cái	Cái	800.000	1.911	1.528.800.000
110	3	120	Bơm tiêm 20ml, có kim 23G	6	Bơm tiêm Freedom 20ml kim 23G		Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/50 cái	Cái	100.000	3.255	325.500.000
111	4	123	Bơm tiêm 50ml, có kim	6	Bơm tiêm Freedom 50ml kim 22G x 1 1/4"		Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/25 cái	Cái	9.000	6.090	54.810.000
Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	2.122.260.000

22 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Thiết bị y tế An Pha

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
112	1	307	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8m2, hệ số siêu lọc 64 ml/giờ/mmHg	3	Quả lọc Helixone FX Cordiac 80 kèm theo 2 nắp đậy màng lọc.	F00001591	Fresenius Medical Care SMAD - Fresenius Medical Care Deutschland GmbH	Pháp - Đức	Fresenius Medical Care AG & Co.KGaA.	Đức	24 quả/ thùng	Quả	4.800	525.000	2.520.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
113	2	378	Bột khô dùng trong chạy thận nhân tạo thành phần Natri hydrogenocarbonate, 900g	3	Bibag 5008 900g	5060801	Fresenius Medical Care SMAD/ Pháp	Pháp	Fresenius Medical Care AG & Co.KGaA.	Đức	12 Gói/ thùng	Gói	7.000	168.000	1.176.000.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	3.696.000.000

23 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
114	1	150	Catheter lọc máu hai nòng dùng trong lọc máu bằng polyurethane, cỡ 12Fr, dài 20cm	3	HAEMOCAT® SIGNO V1220 CATHETER SET 20CM	7029685	B. Braun Melsungen AG	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	Hộp/ 10 cái	Cái	1.200	766.784	920.140.800
115	2	211	Túi chứa dịch dùng trong lọc máu, cỡ 7000ml	3	OMNIBag - 7000ML EFFLUENT BAG	7211065	B. Braun Avitum Italy S.p.A	Ý	B. Braun Avitum AG	Đức	Thùng / 50 cái	Cái	25	250.000	6.250.000
116	3	292	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0,5 m²	3	OMNiset TPE incl FILTER 0,5	7211153	B. Braun Avitum Italy S.p.A	Ý	B. Braun Avitum AG	Đức	Thùng /4 bộ	Bộ	10	8.400.000	84.000.000
117	4	294	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.6m² và hệ thống dây dẫn đi kèm	3	OMNiset 1,6 m²	7211370	B. Braun Avitum Italy S.p.A	Ý	B. Braun Avitum AG	Đức	Thùng /4 bộ	Bộ	20	6.400.000	128.000.000
118	5	302	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1,5 m2, hệ số siêu lọc 9.8 ml/h/mmHg	3	DIACAP LOPS 15 PS-DIALYZER, GAMMA	7203541	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	Thùng/20 quả	Quả	1.600	309.000	494.400.000
119	6	308	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8 m2, Hệ số siêu lọc 99 ml/h/mmHg	3	XEVONTA HI 18	7204657	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	Thùng/20 quả	Quả	1.700	490.000	833.000.000
120	7	310	Quả lọc thận nhân tạo loại Hightflux, màng lọc 1.6 m2, Hệ số siêu lọc 85 ml/h/mmHg	3	DIACAP PRO 16H	720DH16	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	Thùng/20 quả	Quả	4.500	372.000	1.674.000.000

Wan

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
121	8	311	Quả lọc thận nhân tạo, loại Highflux, màng lọc 1.5 m2, Hệ số siêu lọc 87 ml/h/mmHg	3	XEVONTA HI 15	7204649	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	Thùng/20 quả	Quả	300	490.000	147.000.000
122	9	377	Dụng dịch lọc máu II	5	HD PLUS 144 A	8750303	Hãng sản xuất: Công ty TNHH B. Braun Việt Nam (Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH B. Braun Việt Nam/ Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng)	Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	Can / 10 lít	Can	7.200	160.000	1.152.000.000
Tổng cộng:		9	danh mục											Giá trị:	5.438.790.800

24 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Vật Liệu Y tế Việt

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
123	1	382	Bộ phun khí dùng cho máy thở	3	Có T khí dùng dùng cho ống nội khí quản người lớn	1464000	Intersurgical	Anh	Intersurgical	Anh	Thùng/ 40 cái	Cái	3.500	52.500	183.750.000
124	2	389	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, các cỡ	3	Ambu bóp bóng có van thông minh các size (280ml, 550ml, 1000ml)	7150000/7151000/7153000	Intersurgical	Anh	Intersurgical	Anh	Thùng/ 05 Bộ	Bộ	955	409.500	391.072.500
125	3	394	Cây thông nông đặt nội khí quản	3	Cây đặt nội khí quản thường các cỡ	8080006/8080010/8080014	Intersurgical	Anh	Intersurgical	Anh	Hộp/10 cái	Cái	300	136.500	40.950.000
126	4	504	Bộ vệ sinh răng miệng cho người bệnh	3	Bộ bàn chải chuyên dụng vệ sinh răng miệng tích hợp hút dịch trên ống	3016001	Intersurgical	Anh	Intersurgical	Anh	Thùng/ 100 bộ	Bộ	9.000	55.650	500.850.000
Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	1.116.622.500

25 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Bảo Thạch

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
127	1	4	Tấm bông, đường kính 15mm	5	Que gòn tiết trùng	2504PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/ 5 que	Que	3.300.000	525	1.732.500.000
128	2	5	Tấm bông, đường kính 5mm	5	Que xét nghiệm tiết trùng dài 15cm	2505PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/ 20 que	Que	550.000	273	150.150.000
129	3	37	Gạc dẫn lưu, cỡ 1 x 300cm, 4 lớp	5	Gạc dẫn lưu tiết trùng 0,01m x 3m x 4 lớp	913PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	3.000	2.100	6.300.000
130	4	38	Gạc dẫn lưu, cỡ 2 x 300cm, 4 lớp	5	Gạc dẫn lưu tiết trùng 2cm x 300cm x 4 lớp	1303PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	3.000	4.830	14.490.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
131	5	43	Gạc phẫu thuật cân quang, dạng cuộn tròn, 8x 20cm, 4 lớp	5	Gạc mổ nội soi tiết trùng cân quang 8cm x 20cm x 4 lớp	1549PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/ 5 miếng	Miếng	25.000	1.260	31.500.000
132	6	44	Gạc phẫu thuật cân quang, dạng xếp cuộn, 10 x 10cm, 8 lớp	5	Gạc xếp cuộn hình tròn tiết trùng 10cm x 10cm x 8 lớp	2148PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/ 10 miếng	Miếng	20.000	1.260	25.200.000
133	7	50	Gạc ép sọ não cân quang, 2 x 8cm, 4 lớp	5	Gạc ép sọ não tiết trùng cân quang 2cm x 8cm x 4 lớp	794PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/ 20 miếng	Miếng	32.000	735	23.520.000
134	8	444	Khăn phẫu thuật, cỡ 100 x 100cm	5	Săng mổ tiết trùng 100cm x 100cm	513PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	2.400	5.460	13.104.000
135	9	445	Khăn phẫu thuật, cỡ 120 x 160cm	5	Săng mổ tiết trùng 120cm x 160cm	145PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	2.000	9.030	18.060.000
136	10	446	Khăn phẫu thuật, cỡ 60 x 60 cm	5	Săng mổ tiết trùng 60cm x 60cm có lỗ	1072PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	10.000	2.730	27.300.000
Tổng cộng:		10	danh mục											Giá trị:	2.042.124.000

26 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Đạt Phú Lợi

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
137	1	30	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại nằm ngang	3	Dụng cụ cố định ống thông nằm ngang	9781	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Gói/1 cái	Cái	100	150.000	15.000.000
138	2	31	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại thẳng đứng	3	Dụng cụ cố định ống thông đứng thẳng	9782	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Gói/ 1 cái	Cái	50	180.000	9.000.000
139	3	35	Gạc che xung quanh ống mở khí quản	3	Gạc đặt xung quanh ống mở khí quản Metalline, 8x9cm	23094	Lohmann & Rauscher GmbH & Co.KG	Đức	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co.KG	Đức	Gói/ 1 miếng	Miếng	2.000	9.450	18.900.000
140	4	227	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	3	Túi phân một mảnh có bộ lọc khí và khóa cuộn	8331	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	2.000	89.250	178.500.000
141	5	229	Túi hậu môn nhân tạo, 2 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	3	Túi chứa phân Hollister 70mm có bộ lọc khí và khóa cuộn	18194	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	200	48.000	9.600.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
142	6	397	Dụng cụ cố định ống nội khí quản, chống cắn	3	Dụng cụ cố định nội khí quản có chống cắn Hollister	9800	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Gói/ 1 Cái	Cái	3.000	310.000	930.000.000
143	7	418	Miếng tẩy chất keo	3	Miếng tẩy chất keo Hollister	7760	Acupac Packaging, Inc.	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/50 cái	Cái	8.000	9.000	72.000.000
144	8	427	Vớ đùi áp lực, các cỡ	6	Vớ Venosan Đùi áp lực 1, áp lực 2, các cỡ		VOGUE MISR	Ai Cập	Swisslastic AG St.Gallen	Thụy Sĩ	Hộp/1 đôi	Đôi	2.000	799.700	1.599.400.000
145	9	428	Vòng bảo vệ chống loét da	3	Vòng bảo vệ da chống loét bằng Hollister 48mm, 98mm	7805/ 7806	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/ 10 cái	Cái	50	65.100	3.255.000
146	10	435	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo	4	Dây nịt Hollister	7300	Sei Medical S.A, de C.V.	Mexico	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/1 Cái	Cái	30	90.000	2.700.000
147	11	436	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	3	Đế băng hậu môn nhân tạo có băng keo Hollister 70mm	14604	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/ 5 Cái	Cái	300	65.100	19.530.000
148	12	437	Đế lõi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	3	Đế lõi hậu môn nhân tạo có băng keo Hollister 70mm	14804	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/ 5 Cái	Cái	110	78.000	8.580.000
149	13	439	Kẹp túi hậu môn nhân tạo	3	Kẹp túi hậu môn nhân tạo Hollister	8770	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated/	Mỹ	Hộp/ 20 Cái	Cái	200	10.000	2.000.000
Tổng cộng:		13	danh mục											Giá trị:	2.868.465.000

27 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Nhựa Y tế Việt Nam

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
150	1	111	Bơm tiêm 1ml, có kim 26G	6	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 1ml	BTK1: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	01 cái/ túi	Cái	100.000	615	61.500.000
151	2	113	Bơm tiêm 3ml, có kim 23G, 25G	6	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 3ml	BTK3: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	01 cái/ túi	Cái	130.000	615	79.950.000
152	3	115	Bơm tiêm 5ml, có kim 23G, 25G	6	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 5ml	BTK5: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	01 cái/ túi	Cái	1.100.000	605	665.500.000
153	4	243	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn	6	Dây thở oxy MPV người lớn	DTONL: MPV	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	01 cái/ túi	Cái	80.000	4.750	380.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
154	5	251	Ống thông hậu môn, các cỡ	6	Ống thông hậu môn MPV	OTHM	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	01 cái/ túi	Cái	100	2.990	299.000
155	6	537	Kẹp rốn	5	Kẹp rốn MPV	KR	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	5.800	950	5.510.000
Tổng cộng:		6	danh mục											Giá trị:	1.192.759.000

28 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
156	1	422	Que thử đường huyết nhanh, men thử Mut Q GDH hoặc FAD GHD	3	Que thử dùng cho máy đo đường huyết Contour Plus Blood Glucose Test Strips 50	90001890	PHC Corporation In Vitro Diagnostics Division	Nhật Bản	Ascensia Diabetes Care Holdings AG	Thụy Sĩ	Hộp/ 50 que	Que	280.000	7.000	1.960.000.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	1.960.000.000

29 Tên nhà thầu: Liên danh Công ty TNHH Thương mại Diên Niên và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hạnh Minh

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
157	1	142	Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ	3	BD Insyte™ Autoguard BC Pro Winged 18G, 20G, 22G, 24G	382912 382923 382934 382944	Becton Dickinson Infusion Therapy Systems Inc.	Mỹ	Becton Dickinson Infusion Therapy Systems Inc.	Mỹ	Hộp/50 cái	Cái	200.000	24.000	4.800.000.000
158	2	191	Khóa đi kèm dây dẫn, 1 nhánh	3	BD SmartSite™ Extension Set One Needle Free Valve	20039E7D	Sistemas Medicos Alaris S.A. de C.V	Mexico	BD Switzerland Sàrl	Thụy Sĩ	Hộp/100 cái	Cái	90.000	44.000	3.960.000.000
159	3	192	Khóa đi kèm dây dẫn, 2 nhánh	3	BD SmartSite™ “Y” Extension Set 2 Needle- Free Valves	20019E7D	Sistemas Medicos Alaris S.A. de C.V	Mexico	BD Switzerland Sàrl	Thụy Sĩ	Hộp/100 cái	Cái	30.000	78.000	2.340.000.000
160	4	193	Khóa đi kèm dây dẫn, 3 nhánh	3	BD SmartSite™ Extension Set 3 Needle- Free Valves	20038E7D	Sistemas Medicos Alaris S.A. de C.V	Mexico	BD Switzerland Sàrl	Thụy Sĩ	Hộp/100 cái	Cái	2.000	126.000	252.000.000
161	5	460	Bình Gas dùng cho máy SteriVac	Không phân nhóm	8-170 bình gas EO	8-170	3M Company	Mỹ	3M Company	Mỹ	Hộp/12 cái	Cái	338	384.000	129.792.000

20022

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
162	6	471	Giấy in nhiệt dùng cho máy tiết khuẩn Sterivac	Không phân nhóm	1217 Giấy in nhiệt dùng cho máy EO	1217	GE Healthcare Finland Oy	Phần Lan	3M Company	Mỹ	Thùng/2 cuộn	Cuộn	26	465.000	12.090.000
163	7	495	Túi ép phẳng, cỡ 250mm x 65mm x 100 m	4	8758 túi ép phẳng tiết trùng	8758	PMS TIBBI CIHAZLAR TEKNOLOJISI SAN. VETIC. A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	3M Deutschland	Đức	Thùng/4 cuộn	Cuộn	204	1.468.000	299.472.000
164	8	497	Túi ép phẳng, cỡ 350mm x 80mm x 100 m	4	8762 túi ép phẳng tiết trùng	8762	PMS TIBBI CIHAZLAR TEKNOLOJISI SAN. VETIC. A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	3M Deutschland	Đức	Thùng/2 cuộn	Cuộn	10	2.048.000	20.480.000
Tổng cộng:		8	danh mục											Giá trị:	11.813.834.000

30 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại 3TK

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
165	1	409	Khẩu trang phòng ngừa qua đường không khí	không phân nhóm	Khẩu trang đạt tiêu chuẩn Niosh N95	H910 Plus	Honeywell	Trung Quốc	Honeywell	Mỹ	50 cái/ 1 hộp	Cái	11.700	13.500	157.950.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	157.950.000

31 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nam

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
166	1	278	Catheter lọc máu đường hầm hai nồng bằng polyurethane, cỡ 14.5Fr, dài 24->28cm	3	Catheter lọc máu đường hầm hai nồng bằng polyurethane, 14.5Fr, dài 24-28cm HFS24PCE/ HFS28PCE/ HFS24E/ HFS28E	HFS24PCE/ HFS28PCE/ HFS24E/ HFS28E	Medical Components nc. (dba Medcomp)/ Martech Medical Products	Mexico	Medical Components nc. (dba Medcomp)	Mỹ	Hộp/5 cái	Cái	180	6.630.000	1.193.400.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	1.193.400.000

32 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
167	1	136	Kim lấy máu thử đường huyết	3	05888662200 Accu-Chek Safe-T-Pro Uno 200	05888662200	HTL-Strefa S.A	Balan	Roche Diabetes Care GmbH	Đức	Hộp/ 200 cái	Cái	250.000	3.000	750.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
168	2	373	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em	3	Lọc khuẩn sử dụng cho máy FeNO	30814	Mada Spirometry Filters S.r.l	Ý	Mada Spirometry Filters S.r.l	Ý	100 cái/ thùng	Cái	5.700	47.000	267.900.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	1.017.900.000

33 Tên nhà thầu: Công ty CP TM DV XNK Viên Phát

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
169	1	197	Găng tay sạch có bột, các cỡ	6	Găng tay sạch có bột hiệu I-Med	I-Med	Sritrang	Thái Lan	Sritrang	Thái Lan	Hộp/ 50 đôi	Đôi	1.000.000	1.130	1.130.000.000
170	2	385	Bộ chăm sóc vết thương sử dụng 1 lần	5	Bộ chăm sóc vết thương	K0022	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	70 Bộ/hộp	Bộ	4.500	29.400	132.300.000
171	3	387	Bộ thông tiểu dùng 1 lần	5	Bộ thông tiểu	K1017	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	Gói/1 bộ	Bộ	1.000	35.700	35.700.000
172	4	416	Tấm lót giường bằng spunbond, 60 x 180cm	5	MIẾNG LÓT GIƯỜNG 60 x 180 CM, 30GSM, TRẮNG, DẠNG CUỘN, 50 MIẾNG/CUỘN	N00R01E	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	Cuộn/50 miếng	Miếng	150.000	4.830	724.500.000
173	5	417	Tấm lót giường bằng spunbond, 80 x 220cm	5	MIẾNG LÓT GIƯỜNG 80 x 220 CM, 25GSM, TRẮNG, DẠNG CUỘN, 40 MIẾNG/ CUỘN	N00R01L	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	Cuộn/40 miếng	Miếng	24.000	7.350	176.400.000
174	6	441	Bao chụp kính hiển vi 122x209cm	5	BAO CHỤP KÍNH HIỂN VI 122 x 209 CM (48" x 82")	17A02	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	Hộp/ 45 cái	Cái	500	495.600	247.800.000
175	7	477	Giấy gói dụng cụ, cỡ 100 x 100cm	6	Giấy gói (SMS) 100 x 100	N01W05	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	Hộp/165 tờ	Tờ	40.425	12.075	488.131.875
176	8	478	Giấy gói dụng cụ, cỡ 120 x 120cm	6	Giấy gói (SMS) 120 x 120	N01W07	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	Hộp/150 tờ	Tờ	2.700	16.065	43.375.500
177	9	479	Giấy gói dụng cụ, cỡ 80 x 80cm	6	Giấy gói (SMS) 80 x 80	N01W01	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	Hộp/200 tờ	Tờ	52.200	9.660	504.252.000
178	10	482	Khẩu trang 4 lớp có mặt nạ chống sương	6	Khẩu trang 4 lớp có thanh tựa loại dây cột, có mặt nạ chống sương	MN4031	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	Hộp/ 25 cái	Cái	4.600	10.290	47.334.000
Tổng cộng:		10	danh mục											Giá trị:	3.529.793.375

34 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường Thủy

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
179	1	526	Bộ tấm dán đôi và ngực dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh	6	- Tấm dán hạ thân nhiệt cỡ L cho bệnh nhân từ 76 đến 100 kg - Tấm dán hạ thân nhiệt cỡ M cho bệnh nhân từ 61 đến 75 kg - Tấm dán hạ thân nhiệt cỡ S cho bệnh nhân từ 46 đến 60 kg	317-09; 317-07; 317-05	Medivance (thuộc Bard/BD)	Mexico	Medivance (thuộc Bard/BD)	Mỹ	01 bộ/ túi	Bộ	37	25.000.000	925.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
180	2	545	Tắm dán hạ thân nhiệt cho trẻ nhỏ	Không phân nhóm	Tắm dán hạ thân nhiệt cỡ N cho bệnh nhân sơ sinh từ 1,8-4,5kg	318-02	Medivance (thuộc Bard/BD)	Mexico	Medivance (thuộc Bard/BD)	Mỹ	01 bộ/túi	Bộ	10	12.500.000	125.000.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	1.050.000.000

35 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Tân Thành

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
181	1	301	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu	5	Bộ dây lọc thận 5 trong 1	TMC-BL-16	Công ty CP TTB-VTYT TMC	Việt Nam	Công ty CP TTB-VTYT TMC	Việt Nam	01 bộ/ bao	Bộ	18.000	56.000	1.008.000.000
182	2	309	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8m2, hệ số siêu lọc 75 ml/h/mmHg	6	Quả lọc thận nhân tạo PURIFIER H180	PURIFIER H180	SaFil Tibbi Urunler Uluslar Arasi Nakliyat. San. Tic. A.S	Turkey	SaFil Tibbi Urunler Uluslar Arasi Nakliyat. San. Tic. A.S	Turkey	01 quả/túi	quả	1.000	385.000	385.000.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	1.393.000.000

36 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế EMC

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
183	1	354	Đế lưới gỗ tiết khuẩn	5	Que đế lưới gỗ Tanaphar	DLG.TNP	Công ty CP Tanaphar	Việt Nam	Công ty CP Tanaphar	Việt Nam	Hộp/ 100 cái	Cái	160.000	210	33.600.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	33.600.000

37 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Công nghệ An Pha

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
184	1	175	Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm	3	Kim đốt u bằng sóng microwave tương thích máy Solero	H787700106001US0 H787700106002US0 H787700106003US0	Angiodynamics	Mỹ	Angiodynamics	Mỹ	Hộp/ 01 cái	Cái	10	43.300.000	433.000.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	433.000.000

38 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị y tế Nhật Minh

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
185	1	222	Bình chứa dịch, khí màng phổi, bằng thủy tinh, 2000ml	5	Bình dẫn lưu màng phổi	NM30	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Hộp/1 cái	Cái	1.000	103.950	103.950.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
186	2	264	Dây hút dịch dùng trong phẫu thuật, dài 3,5m	5	Dây hút dịch phẫu thuật 3.5m	NM50	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	30.000	14.500	435.000.000
187	3	270	Ống nối thẳng con số	5	Ống nối đa năng	NM20	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Túi/ 1 cái	Cái	10.000	2.373	23.730.000
188	4	333	Nẹp cổ cứng	5	Nẹp cổ cứng	GIAHU002	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	170	89.880	15.279.600
189	5	347	Bao camera nội soi tiết khuẩn	5	Bao camera nội soi	NM01	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	20.000	5.670	113.400.000
190	6	419	Nắp bình dẫn lưu màng phổi	5	Bộ dây dẫn lưu màng phổi	NM15	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Gói/1 cái	cái	700	27.300	19.110.000
191	7	423	Tạp dề y tế	6	Tạp dề y tế	NM11	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	65.000	2.730	177.450.000
Tổng cộng:		7	danh mục											Giá trị:	887.919.600

39 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm B.H.C

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
192	1	32	Gạc Alginate, cỡ 10x10cm	3	Gạc vết thương AQUACEL Ag Extra 10x10cm	420676	ConvaTec Limited	Anh	ConvaTec Limited	Anh	Hộp/10 miếng	Miếng	1.800	125.000	225.000.000
193	2	59	Gạc hydrocolloid, cỡ 10 x 10cm, dày 1.5mm	4	Băng dán vết thương DuoDERM CGF 10x10cm	187660	ConvaTec Dominican Republic, Inc.	Dominican Republic	ConvaTec Limited	Anh	Hộp/ 5 miếng	Miếng	2.000	51.500	103.000.000
194	3	62	Gạc hydrocolloid, loại mỏng, cỡ 10 x 10cm	4	Băng dán vết thương DuoDERM Extra thin 10x10cm	187955	ConvaTec Dominican Republic, Inc.	Dominican Republic	ConvaTec Limited	Anh	Hộp/10 miếng	Miếng	1.500	37.300	55.950.000
195	4	228	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, xả được, sử dụng với kẹp hậu môn	4	Túi hậu môn nhân tạo một mảnh ActiveLife One-Piece Drainable Pouch	22771	ConvaTec Dominican Republic, Inc.	Dominican Republic	ConvaTec Limited	Anh	Hộp /10 cái + 1 kẹp	Cái	200	56.000	11.200.000
196	5	391	Bột ngăn ngừa tổn thương da dùng cho hậu môn nhân tạo	6	Bột bảo vệ da quanh hậu môn nhân tạo Stomahesive Protective Powder 28,3g	25510	Pharmapac (UK) Ltd	Anh	ConvaTec Limited	Anh	Hộp/1 chai	Chai	100	177.000	17.700.000

W027

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
197	6	438	Keo làm đầy và chống rò rỉ dùng cho hậu môn nhân tạo	4	Keo làm đầy dành cho hậu môn nhân tạo Stomahesive Paste 56,7g	183910	ConvaTec Dominican Republic, Inc.	Dominican Republic	ConvaTec Limited	Anh	Hộp/1 ống	ống	100	158.500	15.850.000
Tổng cộng:		6	danh mục											Giá trị:	428.700.000

40 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Một thành viên Ngôi Sao Y tế

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
198	1	401	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 5-7g	3	Optilube 5g	Optilube 5g	Optimum	UK	Optimum	UK	Hộp 150 gói	Gói	3.000	3.496	10.488.000
199	2	402	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 2-4g	3	Optilube 2,7g	Optilube 2,7g	Optimum	UK	Optimum	UK	Hộp 144 gói	Gói	12.000	2.646	31.752.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	42.240.000

41 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Thời Thanh Bình

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
200	1	81	Gạc tắm cồn	5	Gạc tắm cồn 5 x 6cm, 4 lớp	5x6-4L	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Hộp/ 100 miếng	Miếng	2.500.000	193	482.500.000
201	2	407	Khẩu trang y tế dây cột	5	Khẩu trang y tế MEDI PRO dây cột 3 lớp tiết trùng	101112	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	180.000	1.695	305.100.000
202	3	408	Khẩu trang than hoạt tính	6	Khẩu trang y tế than hoạt tính MEDI PRO 4 lớp tiết trùng	101404	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	60.000	1.260	75.600.000
Tổng cộng:		3	danh mục											Giá trị:	863.200.000

42 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Khải Vinh

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
203	1	139	Kim luồn mạch máu, thời gian lưu đến 3 ngày, các cỡ	6	SURFLO I.V. Catheter	SR+OX1651C; SR+OX1851C; SR+OX2032C; SR+OX2051C; SR+OX2225C; SR+OX2419C	Terumo (Philippines) Corporation	Philippines	Terumo (Philippines) Corporation	Philippines	Hộp/ 50 cái	Cái	15.000	13.000	195.000.000
204	2	187	Dây truyền máu đầu tơn	3	TERUFUSION Blood Administration Set	TB*U800B	Kofu Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation	Nhật Bản	Hộp/ 50 cái	Cái	14.000	21.000	294.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
205	3	271	Đầu nối an toàn không kim, chịu áp lực cao	6	Surplug Micro Clear Connector	066-MC100	ICU Medical Inc.,	Mỹ	ICU Medical Inc.	Mỹ	Hộp/ 100 cái	Cái	48.000	21.000	1.008.000.000
206	4	421	Que thử đường huyết nhanh, men thử GOD-PO'D	3	MEDISAFE FIT Blood Glucose Test TIP	MS*FC030A	Kofu Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation	Nhật Bản	Hộp/ 30 que	Que	45.000	8.400	378.000.000
207	5	532	Dụng cụ mở đường mạch máu sử dụng tái tưới máu cho người bệnh	4	Super Arrow-Flex (dài 7.5cm, 11cm)	CP-07511; CP-07611 (các cỡ)	Arrow Internacional de Chihuahua S.A. de C.V.	Mexico	Arrow International LLC (subsidiary of Teleflex Incorporated)	Mỹ	Hộp/ 10 cái	Cái	10	880.000	8.800.000
Tổng cộng:		5	danh mục											Giá trị:	1.883.800.000

43 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
208	1	21	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu	3	Băng dán hỗ trợ vận động (Kinesio Tex Performance+)	PKT	Kinesio Holding Corporation	Mỹ	Kinesio Holding Corporation	Mỹ	Hộp/1 cuộn	Cuộn	50	441.000	22.050.000
209	2	29	Băng dính tác động vô lớp hạ bì, dành cho da nhạy cảm	3	Băng dán hỗ trợ vận động (Kinesio Tex Gold FP)	GKT	Kinesio Holding Corporation	Mỹ	Kinesio Holding Corporation	Mỹ	Hộp/1 cuộn	Cuộn	50	367.500	18.375.000
210	3	174	Kim sinh thiết, cỡ 12-> 20G, dài 10-> 20cm	4	Kim sinh thiết mô mềm Magnum	MNI210 ; MNI213 ; MNI216 ; MNI220 ; MNI410 ; MNI413 ; MNI416 ; MNI420 ; MNI610 ; MNI613 ; MNI616 ; MNI620 ; MNI810 ; MNI813 ; MNI816 ; MNI820 ; MNI825 ; MNI830 ; MN2010 ; MN2013 ; MN2016 ; MN2020 ;	Bard Reynosa S.A. DE C.V.	Mexico	Bard Peripheral Vascular, Inc.	Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	500	720.000	360.000.000
211	4	199	Găng tay sạch, dài 450-> 500mm	6	GĂNG SÀN KHOA CHƯA TIẾT TRÙNG	GSK	Nam Tín	Việt Nam	Nam Tín	Việt Nam	Gói/10 đôi	Đôi	12.000	10.395	124.740.000
212	5	200	Găng tay tiết khuẩn, dài 450 -> 500mm	5	GĂNG SÀN KHOA ĐÃ TIẾT TRÙNG	GTT	Nam Tín	Việt Nam	Nam Tín	Việt Nam	Gói/1 đôi	Đôi	400	13.020	5.208.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
213	6	324	Đai cột sống lưng, chất liệu linen dạng lưới	6	Đai cột sống lưng, chất liệu linen dạng lưới NEO BACK SMILE 9"	JC-7482	Neomed Co.,Ltd	Hàn Quốc	Neomed Co.,Ltd	Hàn Quốc	Gói/1 cái	Cái	100	782.500	78.250.000
Tổng cộng:		6	danh mục											Giá trị:	608.623.000

44 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế B.M.S

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
214	1	492	Túi ép phồng, cỡ 100mm x 50mm x 100 m	4	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 100mm x 50mm x 100m	RB51	Wipak	Phân Lan	Wipak	Phân Lan	03 cuộn/ túi	Cuộn	204	650.000	132.600.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	132.600.000

45 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
215	1	212	Túi chứa dịch xạ 5 lít	3	Túi đựng dịch thải 5L-Prismaflex	115959	Bioiks D.O.O. T/A Bioprod D.O.O	Slovenia	Gambro Dasco S.p.A	Ý	Gói/1 cái	Cái	1.200	235.000	282.000.000
216	2	293	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.5m², sợi lọc có gắn heparin và hệ thống dây dẫn đi kèm, tương thích máy Prisma flex	3	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn heparin OXIRIS	112016	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries	Pháp	Thùng/ 4 bộ	Bộ	100	17.100.000	1.710.000.000
217	3	314	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp	6	Bộ quả lọc máu liên tục Prismaflex M60	106696	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries	Pháp	Thùng/ 4 bộ	Bộ	15	6.600.000	99.000.000
218	4	342	Phin lọc bạch cầu dùng trong truyền hồng cầu lỏng hay máu toàn phần.	3	Phin lọc bạch cầu truyền tiểu cầu IMUGARD III-RC	TF*IR2002NC	Fujinomiya Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation	Nhật Bản	Gói/1 cái	Cái	320	663.000	212.160.000
219	5	343	Phin lọc bạch cầu chiết tiểu cầu dùng trong truyền tiểu cầu	3	Phin lọc bạch cầu truyền tiểu cầu IMUGARD III-PL	TF*IP2002N	Fujinomiya Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation	Nhật Bản	Gói/1 cái	Cái	70	705.000	49.350.000
220	6	379	Dung dịch lọc máu có dịch đệm Bicarbonate	3	Dịch thay thế/ Dịch thẩm tách Prismocal	955741	Bieffe Medital SpA	Ý	Bieffe Medital SpA	Ý	thùng/ 2 túi	túi	1.000	1.140.000	1.140.000.000
221	7	529	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh	3	LEADER FLEX 4 CM (G22)PROL.INT	121204	VYGON GmbH & Co.KG	Đức	VYGON GmbH & Co.KG	Đức	20 Cái/ hộp	Cái	40	900.000	36.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tin 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
222	8	534	Dụng dịch kháng đông tại chỗ cho liệu pháp lọc máu liên tục	3	Dịch thay thế/ Dịch thẩm tách Prismocitrate	955659	Bieffe Medital SpA	Ý	Bieffe Medital SpA	Ý	thùng/ 2 túi	túi	1.000	1.140.000	1.140.000.000
Tổng cộng:		8	danh mục												Giá trị: 4.668.510.000

46 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Y tế Việt Tiến

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tin 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
223	1	114	Bơm tiêm đầu xoắn, 3ml	6	NIPRO Disposable Syringe without needle 3ML luer lock	0404001101	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Hộp/100 cái	Cái	10.000	1.680	16.800.000
224	2	116	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 5ml	6	NIPRO Disposable Syringe without needle 5ML luer lock	0404001301	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Hộp/100 cái	Cái	100.000	1.850	185.000.000
225	3	122	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 20ml	6	NIPRO Syringe 20ML luer lock w/o needle	0404007602	PT. Nipro Indonesia Jaya	Indonesia	PT. Nipro Indonesia Jaya	Indonesia	Hộp/ 50 cái	Cái	20.600	8.200	168.920.000
226	4	126	Bơm tiêm truyền áp lực, dẫn hồi, tự động, cỡ 100ml	3	NIPRO SUREFUSER + SMA-0123-10P / NIPRO SUREFUSER + SMA-2345-10P	0410002703 ; 0410002603	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation	Nhật Bản	Hộp/ 10 cái	Cái	50	700.000	35.000.000
227	5	127	Bơm tiêm truyền áp lực, dẫn hồi, tự động, cỡ 50ml	3	NIPRO SUREFUSER + SFS-0501DP / NIPRO SUREFUSER + SFS-0502DP	0410000303 ; 0410000403	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation	Nhật Bản	Hộp/ 10 bộ	Bộ	50	500.000	25.000.000
228	6	131	Bơm tiêm cân quang, cỡ 190ml	3	190ml Syringe and QFT (pouch) (ZY6322)	87234436	Imaxeon Pty Ltd	Úc	Bayer Medical Care B.V.	Hà Lan	Hộp/ 50 bộ	Bộ	720	330.000	237.600.000
229	7	189	Dây nối chủ T đi kèm dây truyền 150cm	3	Imaxeon 150cm 300PSI Coiled Tube Set Dual (ZY5152)	84303241	Imaxeon Pty Ltd	Úc	Imaxeon Pty Ltd	Hà Lan	Gói 1 bộ	Bộ	360	115.000	41.400.000
230	8	205	Ống cho ăn, bằng polyurethane, cỡ 12Fr, 15Fr	3	Freka Tube FR 15, 100 cm F / Freka Tube FR 12, 120 cm, Y	7980111 ; 7981821	Clinico Medical Sp. Z o.o	Ba Lan	Fresenius Kabi AG	Đức	Hộp / 10 cái	Cái	2.800	155.400	435.120.000
231	9	272	Khóa ba ngã	3	NIPRO STOPCOCK 3W-R - L	0408000603	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation	Nhật Bản	Hộp/50 cái	Cái	40.000	8.400	336.000.000
Tổng cộng:		9	danh mục												Giá trị: 1.480.840.000

47 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế DMED

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tin 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
232	1	546	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt	4	Bộ bình làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt độ (Bộ Kit gồm dây thở và bình làm ấm, ấm khí thở)	900PT561	Fisher & Paykel	New Zealand	Fisher & Paykel	New Zealand	Gói/cái	cái	200	1.750.000	350.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
233	2	547	Ông thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P)	4	Ông thở oxy (cannula) dòng cao qua mũi	OPT942/ OPT944/ OPT946	Fisher & Paykel	New Zealand	Fisher & Paykel	New Zealand	Gói/cái	cái	200	620.000	124.000.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	474.000.000

48 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Minh An

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
234	1	167	Kim lọc thận nhân tạo, đầu tù, cỡ 16G	6	Kim chạy thận nhân tạo BIOHOLE NEEDLE 16GX1"HC-30W-D	BIOHOLE NEEDLE 16GX1"HC-30W-D	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Nipro Corporation	Nhật Bản	50 cái/hộp	Cái	500	13.640	6.820.000
235	2	168	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 16G	6	Kim chạy thận có đầu bảo vệ an toàn SAFETOUGH TULIP 16Gx1" HTC-30W	SAFETOUGH TULIP 16Gx1" HTC-30W	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Nipro Corporation	Nhật Bản	Hộp/50 cái	Cái	2.000	9.000	18.000.000
236	3	169	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 17G	6	Kim chạy thận có đầu bảo vệ an toàn SAFETOUGH TULIP 17Gx1" HTC-30W	SAFETOUGH TULIP 17Gx1" HTC-30W	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Nipro Corporation	Nhật Bản	Hộp/50 cái	Cái	2.000	9.000	18.000.000
237	4	305	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, hệ số siêu lọc 20ml/giờ/mmHg	3	Quả lọc thận nhân tạo ELISIO-15M	ELISIO-15M	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation	Nhật Bản	Thùng/24 quả	Quả	2.500	325.600	814.000.000
238	5	306	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, hệ số siêu lọc 22ml/giờ/mmHg	3	Quả lọc thận nhân tạo ELISIO-17M	ELISIO-17M	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation	Nhật Bản	Thùng/ 24 quả	Quả	1.500	325.600	488.400.000
Tổng cộng:		5	danh mục											Giá trị:	1.345.220.000

49 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Giải Pháp Việt

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
239	1	296	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Acid mật	6	Quả lọc hấp phụ một lần BS330	BS330	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp/ 1 quả	quả	5	24.675.000	123.375.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
240	2	297	Quả lọc hấp phụ nội độc tố trọng lượng phân tử trung bình và lớn, độc tố gắn với protein, hội chứng hôn mê gan,...	6	Quả lọc hấp phụ một lần HA330-II	HA330-II	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp/1 quả	Quả	5	13.500.000	67.500.000
241	3	298	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 05-30kDa	6	Quả lọc hấp phụ một lần HA130	HA130	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp/1 cái	Cái	50	2.579.000	128.950.000
242	4	299	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 15-100kDa	6	Quả lọc hấp phụ một lần HA280	HA280	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp/1 cái	Cái	40	10.500.000	420.000.000
243	5	300	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin... trong sốc nhiễm trùng nặng, sepsis, viêm tụy cấp,...	6	Quả lọc hấp phụ một lần HA330	HA330	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp/1 quả	Quả	10	12.048.750	120.487.500
244	6	525	Bộ kit lọc máu liên tục lọc không phải bỏ huyết tương lọc cytokin, nội độc tố trong sốc nhiễm trùng nặng, suy gan,...	3	Bộ Quả lọc máu liên tục CPFA (CPFA Kit - 10 hours treatment for septic shock patients - KABL14P05)	IB0600000	Bellico S.r.l	Ý	Bellico S.r.l	Ý	Hộp/ 1 kit	Kit	10	17.000.000	170.000.000
Tổng cộng:		6	danh mục											Giá trị:	1.030.312.500

50 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Tín

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
245	1	110	Bơm tiêm 1ml, chứa Lithium Heparin, có kim 23G, 25G	3	PRO-VENT PLUS, 1 CC SLIP SYRINGE 25G, 23G FILTER+ EDGE	4619PG, 4629PG	Smiths Medical ASD, Inc.	Mỹ	Smiths Medical ASD, Inc.	Mỹ	200 cái/ thùng	Cái	30.000	25.000	750.000.000
246	2	112	Bơm tiêm chứa Lithium Heparin, 1ml	3	Bơm tiêm khí máu động mạch không kim - BD Drihep A-line Syringe 1ml SYR ABG ALINE I(6) S/T CE	364356	Becton, Dickinson and Company	Anh	Becton, Dickinson and Company	Anh	100 cái/ thùng	Cái	10.000	23.500	235.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
247	3	125	Bơm tiêm dầu xoắn, chứa nước muối 0.9%, các cỡ	3	BD POSIFLUSH NORMAL SALINE SYRINGES 3ML, 5ML, 10ML	306573 306574 306575	Becton Dickinson, S.A	Tây Ban Nha	Becton Dickinson and Company	Mỹ	30 cái/hộp, 480 cái/thùng	Cái	550.000	16.000	8.800.000.000
248	4	138	Kim lấy máu gót chân, an toàn, các cỡ	3	Kim chích lấy máu gót chân LANCET QUIKHEEL	368101 368100	BD Caribe LTD	Mỹ	Becton, Dickinson and Company	Mỹ	200 cái/ thùng	Cái	5.200	27.900	145.080.000
Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	9.930.080.000

51 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Công Nghệ Y học Chí Anh

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
249	1	185	Dây nối lấy thuốc dùng với máy bơm cân quang	3	Bộ truyền thuốc - Pump Tubing	XD 8003	Ulrich GmbH & Co.KG	Italy (European Union)	Ulrich GmbH & Co.KG	CHLB Đức	hộp/ cái	Cái	240	854.700	205.128.000
250	2	186	Dây nối dùng với dây lấy thuốc, dài 2.5m	3	Dây truyền cho từng bệnh nhân- Patient Hose	XD 2040	Ulrich GmbH & Co.KG	Germany (European Union)	Ulrich GmbH & Co.KG	CHLB Đức	Gói/10 cái	cái	240	75.075	18.018.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	223.146.000

52 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Bảo Nguyên

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
251	1	147	Kim chọc động tĩnh mạch, 18G, dài 70mm	3	Intradyn puncture needle 18G 1.3x70mm	5208505	Aesculap Chifa Sp.z o.o.	Ba Lan	B. Braun Melsungen AG	Đức	Hộp/ 50 cái	Cái	1.600	37.800	60.480.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	60.480.000

53 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
252	1	134	Kim lấy máu, lấy thuốc, các cỡ	3	4665120 STERICAN G18 X 1 1/2 100/BOX 4657667 STERICAN G23 X 1 100/BOX 4665457 STERICAN G26 X 1/2 100/BOX	4665120 4657667 4665457	B.Braun	Malaysia	B.Braun	Đức	Hộp/100 cái	Cái	1.100.000	612	673.200.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	673.200.000

54 Tên nhà thầu: Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
253	1	39	Gạc đắp vết thương, cỡ 6 x 15cm	5	Bông gạc đắp vết thương 6 x 15cm, Vô trùng	BGD23WV001	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	Gói/1 miếng	Miếng	24.000	930	22.320.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
254	2	41	Gạc phẫu thuật cân quang, 40 x 40cm, 6 lớp	5	Gạc Phẫu thuật Ô Bụng 40 x 40cm x 6 lớp, Cân quang, Vô trùng	GOB42WS005	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	Gói/5 miếng	Miếng	1.000	6.560	6.560.000
255	3	48	Gạc các loại, các cỡ dùng trong lọc máu thận nhân tạo	5	Bộ tiêm chích FAV M15 (4 khoản), VT	BOT01ZV001	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	Gói/1 bộ	Bộ	25.000	8.211	205.275.000
256	4	51	Gạc sạch, cỡ 10x10cm, 6 lớp	6	Gạc Phẫu thuật 10 x 10cm x 6 lớp, không vô trùng	GPT58WKCKH	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	Gói/100 miếng	Miếng	2.000.000	420	840.000.000
Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	1.074.155.000

55 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Thái Sơn

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
257	1	488	Túi ép dẹp, cỡ 150mm x 200mm	4	Túi ép tiết trùng dẹp dạng cuộn 150mm x 200mm	YFSR-150	Anqing Yipak packaging material co. ltd	Trung Quốc	Anqing Yipak packaging material co. ltd	Trung Quốc	Thùng/4 cuộn	cuộn	132	646.300	85.311.600
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	85.311.600

56 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị và Vật tư y tế Hoàng Việt Long

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
258	1	118	Bơm tiêm đầu thẳng, không kim, 10ml	6	Bơm tiêm đầu thẳng - BD 10ml	302143	Becton, Dickinson Medical (S) Pte Ltd	Singapore	Becton, Dickinson Medical (S) Pte Ltd	Singapore	Hộp 100 cái	Cái	152.000	2.415	367.080.000
259	2	119	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 10ml	6	Bơm tiêm đầu xoắn - BD 10ml (Luer-Lok)	302149	Becton, Dickinson Medical (S) Pte Ltd	Singapore	Becton, Dickinson Medical (S) Pte Ltd	Singapore	Hộp 100 cái	Cái	250.000	3.465	866.250.000
260	3	121	Bơm tiêm đầu thẳng, lệch tâm, không kim, 20ml	3	Bơm tiêm 20ml đầu lệch tâm không kim BD	300613	Becton Dickinson S.A	Tây Ban Nha	Becton Dickinson S.A	Tây Ban Nha	Hộp 120 cái	Cái	23.500	3.885	91.297.500
261	4	146	Kim chọc dò đường mắt, cỡ 16G	6	Catheter truyền dịch dòng cao Secalon - T 16G	681004	Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Merit Medical Systems, Inc	Mỹ	Hộp 25 cái	Cái	600	168.000	100.800.000
262	5	235	Ống nội khí quản có bóng chèn, cỡ 3->8	6	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	038-971-0xx; 038-981-0xx	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Hộp 10 bộ	Bộ	12.000	25.200	302.400.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
263	6	236	Ông nội khí quản công miệng có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 4.0-> 7.5Fr	6	Ông đặt nội khí quản công miệng có bóng các số	038-972-0xx; 038-982-0xx	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Hộp 10 bộ	Bộ	1.500	44.100	66.150.000
264	7	238	Ông nội khí quản công miệng không bóng chèn, cỡ 3.0-> 5.0Fr	3	Ông đặt nội khí quản công miệng không bóng các số	038-962-0xx	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Hộp 10 cái	Cái	50	44.100	2.205.000
265	8	239	Ông nội khí quản công mũi, có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 3.0 -> 7.0Fr	6	Ông đặt nội khí quản công mũi có bóng các số	038-974-0xx; 038-984-0xx	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Hộp 10 bộ	Bộ	90	44.100	3.969.000
266	9	279	Catheter động mạch đùi bằng polyurethan, dài 20cm	6	Catheter động mạch đùi Careflow các cỡ	681642; 681648	Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Merit Medical Systems, Inc	Mỹ	Hộp 10 cái	Cái	40	315.000	12.600.000
267	10	352	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn	6	Dụng cụ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường (DTX Plus PMSET 1DT-XX / M Stopcock)	685072; 688991	Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Merit Medical Systems, Inc	Mỹ	Hộp 5 bộ	Bộ	4.000	346.500	1.386.000.000
268	11	353	Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, huyết áp tĩnh mạch, 2 đường	6	Dụng cụ đo huyết áp động mạch xâm lấn 2 đường (DTX Plus Gabarith 2DT-XX / M Stopcock)	682032; 688990	Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Merit Medical Systems, Inc	Mỹ	Hộp 5 bộ	Bộ	770	672.000	517.440.000
269	12	364	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, người lớn	3	Mask (chụp mũi miệng) oxy nồng độ cao người lớn	032-10-072NC	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	Cái	2.500	31.500	78.750.000
270	13	365	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, trẻ em	3	Mask (chụp mũi miệng) oxy nồng độ cao trẻ em	032-10-080	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	Cái	120	31.500	3.780.000
271	14	369	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, trẻ em	6	Lọc 3 chức năng (Vi khuẩn, vi rút, trao độ ẩm) có cổng đo CO2 (ThermoShield) trẻ em	038-42-355	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	cái	300	29.400	8.820.000
272	15	370	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng	3	Lọc vi khuẩn, vi rút có cổng đo CO2 (VentiShield) người lớn	038-41-365	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	Cái	9.000	23.100	207.900.000
273	16	371	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, người lớn	3	Lọc 3 chức năng (Vi khuẩn, vi rút, trao độ ẩm) có cổng đo CO2 (ThermoShield) người lớn	038-41-355 (STR)	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	Cái	35.000	29.400	1.029.000.000
274	17	372	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng, trẻ em	3	Lọc vi khuẩn, vi rút có cổng đo CO2 (VentiShield) trẻ em	038-42-365	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	Cái	700	23.100	16.170.000

STT	STT theo nhà thầu	Số theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
275	18	374	Phin lọc cai máy thở	3	Lọc cai máy thở Thermotrach	038-41-250STR	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	Cái	1.500	34.650	51.975.000
276	19	390	Bóng bóp giúp thở, không có van giảm áp, 1500ml	3	Bóng bóp giúp thở có cổng đo CO2 và MDI Flexicare 1500ml	038-71-940	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 5 bộ	Bộ	750	525.000	393.750.000
277	20	429	Thông khí bằng nhựa, các cỡ	3	Thanh chắn lưỡi (Airway) các số	038-9x-9xx	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	Cái	10.000	7.665	76.650.000
278	21	447	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó dùng 1 lần	3	Que dẫn đường cho nội khí quản (Bougie)	038-968-0xx	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Hộp/10 cái	Cái	800	294.000	235.200.000
Tổng cộng:		21	danh mục											Giá trị:	5.818.186.500

57 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tà Thiên Ân

STT	STT theo nhà thầu	Số theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
279	1	176	Kim đốt sóng cao tần đầu lạnh, đơn cực, dùng trong điều trị u gan	3	Kim đốt sóng cao tần	RFA 2020/ RFA 2030/ RFA 1510/ RFA 1507	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	Hộp/ 01 cái	Cái	70	18.600.000	1.302.000.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	1.302.000.000

58 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Y Phương

STT	STT theo nhà thầu	Số theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
280	1	66	Gạc hydrogel, kích cỡ 10 x 10cm	3	ASKINA TRANSORBENT 10cm x 10cm	0072789U	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	Hộp/5 miếng	Miếng	90	82.845	7.456.050
281	2	67	Gạc hydrogel, kích cỡ 15 x 15cm	3	ASKINA TRANSORBENT 15cm x 15cm	0072790V	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	Hộp/5 miếng	Miếng	300	113.001	33.900.300
282	3	75	Gạc xốp (foam), cỡ 10x10cm	6	ASKINA FOAM 10 x10cm	7241010	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	Hộp/ 10 miếng	Miếng	500	63.000	31.500.000

2024

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
283	4	217	Túi chứa và dẫn lưu dịch	3	FLEXIMA URO SILK TRANSP 12-55	044913A	B.Braun Medical SAS	Pháp	B.Braun Medical SAS	Pháp	Hộp/30 Cái	Cái	420	101.493	42.627.060
284	5	226	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, có khóa cuốn	3	FLEXIMA DRAINABLE ROLL UP 15-60MM	42815A	B.Braun Medical SAS	Pháp	B.Braun Medical SAS	Pháp	Hộp/10 cái	Cái	1.000	55.986	55.986.000
Tổng cộng:		5	danh mục											Giá trị:	171.469.410

59 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Lộc

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
285	1	157	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, phủ chlorhexadine và silver sulfadiazine, 7Fr, dài 16-> 20 cm	3	Catheter TMTT Arrow 3 nhánh, có phủ thuốc, 7F 16/20cm, kim Raulerson	CV-22703-E; CV-25703-E	Arrow (Teleflex)	Mỹ	Arrow (Teleflex)	Mỹ	Gói/1 cái	Cái	670	924.000	619.080.000
286	2	162	Catheter tĩnh mạch trung tâm phủ thuốc 4 đường	3	Catheter TMTT Arrow-Howes 4 nhánh 8.5Fr x 20cm có phủ thuốc	CV-25854	Arrow (Teleflex)	CH Séc (Mỹ, Allen)	Arrow (Teleflex)	Mỹ	Gói/1 cái	Cái	400	1.470.000	588.000.000
287	3	201	Găng tay diệt khuẩn, không bột, chiều dài tối thiểu 260 đến 280 mm, các cỡ	6	Găng tay diệt trùng GAMMEX Non-Latex có găng thẳng, không bột, xanh lá	Gammex Non-Latex Powder-Free	Ansell	Mỹ Lai	Ansell	Úc	1đôi/ gói vô trùng	Đôi	73.000	36.540	2.667.420.000
288	4	214	Túi chứa nước tiểu, 2000ml	6	Túi nước tiểu Polyuro 2000ml, van 1 chiều, khóa T, móc treo	Polyuro 30101	Poly Medicure	Ấn Độ	Poly Medicure	Ấn Độ	1c/ gói vô trùng	Cái	35.000	9.975	349.125.000
289	5	215	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích, 2000ml	4	Bộ đo và đựng nước tiểu theo từng ml, có màng lọc khuẩn, điểm lấy mẫu nước tiểu không kim, 2 van 1 chiều	25033182	FE Unomedical (ConvaTec)	Belarus (Ai-len, Anh)	ConvaTec	Thụy Sĩ	1bộ/ gói vô trùng	Cái	4.000	294.000	1.176.000.000
290	6	234	Ống nội khí quản có bóng chèn hình oval, cỡ 5.0-> 8.0	3	Nội khí quản Sheridan, bóng oval HVT, số 5.0 đến 8.0	Sheridan 5-103xx	Hudson (Teleflex)	Mexico (Mỹ)	Teleflex	Mỹ	Hộp/10 bộ	Bộ	7.500	51.450	385.875.000
291	7	240	Ống nội khí quản không bóng chèn, cỡ 2.5 ->6.5Fr	3	Nội khí quản không bóng từ số 2.0 đến 7.0	Sheridan 5-104xx	Hudson (Teleflex)	Mexico (Mỹ)	Teleflex	Mỹ	Hộp 10 bộ	Bộ	450	51.450	23.152.500

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
292	8	255	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa trung tính, cỡ 16-36Fr	6	Ống thông phổi, cỡ CH 16,20,24,28,32,36	180xx011	Bicakcilar	Thổ Nhĩ Kỳ	Bicakcilar	Thổ Nhĩ Kỳ	Gói/1 cái	Cái	1.800	59.850	107.730.000
293	9	259	Ống hút đàm, cỡ 6- > 16Fr	6	Dây hút đàm UNOMEDICAL, không kiểm soát 6Fr-16Fr, dài 530mm, tiết trùng	Unomedical (05xxxxxx)	Unomedical (ConvaTec)	Slovakia (Ailen, Anh)	ConvaTec	Thụy Sĩ	1củ /gói vô trùng	Cái	250.000	4.725	1.181.250.000
294	10	269	Dây nối oxy dài tối thiểu 2m	6	Dây nối oxy, dài 2,1m, tiết trùng	Topcare	Ningbo Shengyurui	Trung Quốc	Ningbo Greatcare	Trung Quốc	1c/ gói vô trùng	Bộ	1.200	8.400	10.080.000
295	11	284	Lưỡi dao mổ, cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21	3	Dao mổ KAI, số 10, 11, 15, 20, 23	Kai	KAI	Nhật	KAI	Nhật	1c/ gói vô trùng	Cái	50.000	4.410	220.500.000
296	12	384	Bình làm ấm oxy, 340ml	3	Bình làm ấm oxy Aquapak 340ml có nước tiết trùng, cơ nối kiểu F	Aquapak (003-40/ 003-40F)	Teleflex	Mỹ	Teleflex	Mỹ	1bộ/ gói	Cái	5.700	115.500	658.350.000
297	13	403	Giấy đo điện tim, 144mmx30m, tương thích máy Fukuda Denshi	3	Giấy điện tim 6 cần 144mm x 30m, lõi tròn bằng nhựa cứng	Fukuda 144x30	Ceracarta	Ý	Ceracarta	Ý	10cuộn /gói	Cuộn	2.500	70.200	175.500.000
298	14	440	Bàn chải rửa tay phẫu thuật, cỡ 4x10cm	6	Bàn chải phẫu thuật, hấp tiết trùng 130 độ, dùng nhiều lần	Snub Brush	Ningbo Greatcare	Trung Quốc	Ningbo Greatcare	Trung Quốc	10c/ hộp	Cái	650	25.200	16.380.000
Tổng cộng:		14	danh mục											Giá trị:	8.178.442.500

60 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Mega Lifesciences Việt Nam

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
299	1	97	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, 10 x 7.5 x 3cm	6	CURAVAC CURA PUSFK2	CuraVac Cura PUSFK2	CGBio Co., Ltd.	Hàn Quốc	CGBio Co., Ltd.	Hàn Quốc	Gói/1 bộ	Bộ	60	1.143.000	68.580.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
300	2	98	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, 16 x 12.5 x 3cm	6	CURAVAC CURA PUMFK2	CuraVac Cura PUMFK2	CGBio Co., Ltd.	Hàn Quốc	CGBio Co., Ltd.	Hàn Quốc	Gói/ 1 bộ	Bộ	80	1.303.000	104.240.000
301	3	99	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, 26 x 15 x 3cm	6	CURAVAC CURA PULFK2	CuraVac Cura PULFK2	CGBio Co., Ltd.	Hàn Quốc	CGBio Co., Ltd.	Hàn Quốc	Gói/ 1 bộ	Bộ	50	1.462.000	73.100.000
302	4	207	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 5-> 10Fr	6	ARGYLE™ FEEDING TUBE 50CM FR.5 (FD5050) ARGYLE™ FEEDING TUBE 50CM FR.6 (FD6050) ARGYLE™ FEEDING TUBE 50CM FR.8 (FD8050) ARGYLE™ FEEDING TUBE 50CM FR.10 (FD10050)	FD5050, FD6050, FD8050, FD10050	Covidien, formerly KENDALL Gammatron	Thailand	Cardinal Health	Mỹ	Hộp/25 cái	Cái	2.100	10.000	21.000.000
303	5	209	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng, 1000ml	3	KANGAROOTM GRAVITY FEEDING BAG 1000 ML (8884702500)	8884702500	Covidien	Mexico	Cardinal Health	Mỹ	Hộp/30 cái	Cái	3.500	66.150	231.525.000
304	6	210	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng tương thích máy EPUMP, 1000ml	3	KANGAROOTM 924 PUMP SET 1000ML (673622)	673622	Covidien	Mexico	Cardinal Health	Mỹ	Túi/1 cái	Cái	250	126.000	31.500.000
305	7	219	Cán chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 600ml	6	CURASYS CANISTER TYPE C	Curasys Canister Type C	DW Medipharma Co.,Ltd.	Hàn Quốc	DW Medipharma Co.,Ltd.	Hàn Quốc	Hộp/1 cái	Cái	150	463.000	69.450.000
306	8	231	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nồng, có bóng, không cửa sổ, cỡ 4,6,8	4	SHILEY™ TRACHEOSTOMY TUBE CUFFED WITH INNER CANNULA (4LPC) SHILEY™ TRACHEOSTOMY TUBE CUFFED WITH INNER CANNULA (6LPC) SHILEY™ TRACHEOSTOMY TUBE CUFFED WITH INNER CANNULA (8LPC)	4LPC 6LPC 8LPC	Covidien	Mexico	Covidien LLC	Mỹ	Hộp/1 cái	Cái	150	945.000	141.750.000
307	9	233	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nồng, không bóng, không cửa sổ, cỡ 4,6,8	4	Shiley™ Tracheostomy tube cuffless with inner cannula (4CFS) Shiley™ Tracheostomy tube cuffless with inner cannula (6CFS) Shiley™ Tracheostomy tube cuffless with inner cannula (8CFS)	4CFS 6CFS 8CFS	Covidien	Mexico	Covidien LLC	Mỹ	Hộp/1 cái	Cái	100	800.000	80.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
311	13	287	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000	3	FLOTRAC SENSOR (MHD6)	MHD6	Edwards Lifesciences AG	Dominican Republic	Edwards Lifesciences LLC	Mỹ	Hộp 1 bộ	Bộ	45	6.500.000	292.500.000
312	14	350	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn, tương thích máy EV1000	3	TRUWAVE DISPOSABLE PRESSURE TRANSDUCER (PX260)	PX260	Edwards Lifesciences AG	Dominican Republic	Edwards Lifesciences LLC	Mỹ	Hộp 10 cái/bộ	Bộ	50	458.955	22.947.750
313	15	380	Bao chỉ dài dùng trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (45-40-30)mmHg	3	KENDALL SCDTM EXPRESS SLEEVES, THIGH LENGTH, SMALL (73011) KENDALL SCDTM EXPRESS SLEEVES, THIGH LENGTH, MEDIUM (73012)	73011 73012	Covidien	Costa Rica	Cardinal Health	Mỹ	1 Đôi/túi	Cái	4.000	840.000	3.360.000.000
Tổng cộng:		15	danh mục											Giá trị:	5.464.187.500

61 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ y tế Gia Ngọc

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
314	1	515	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn các cỡ	3	Túi đặt ngực Memory tròn trơn, TB, cao.	350/1501BC, 350/1751BC, 350/2001BC, 350/2251BC, 350/2501BC, 350/2751BC, 350/3001BC, 350/3251BC, 350/3501BC, 350/3751BC, 350/1504BC, 350/1754BC, 350/2254BC, 350/2504BC, 350/2754BC, 350/3004BC, 350/3254BC, 350/3504BC, 350/3754BC	Mentor	Hoa Kỳ	Mentor	Hoa Kỳ	Hộp/1 cái	Cái	50	6.930.000	346.500.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	346.500.000

62 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Mai Việt Anh

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
315	1	203	Găng tay tiệt khuẩn, 1 chiếc, cỡ S	6	Găng tay PE vô khuẩn	Copolymer Glove On Paper	Zhangjiagang Hengya Plastic Products Co., Ltd.	Trung Quốc	Zhangjiagang Hengya Plastic Products Co., Ltd.	Trung Quốc	Gói/1 cái	Cái	150.000	1.150	172.500.000
316	2	399	Gel siêu âm	5	Gel siêu âm	GS1	Công ty cổ phần đầu tư y tế An Phú	Việt Nam	Công ty cổ phần đầu tư y tế An Phú	Việt Nam	Hộp/ 1 can 5 lít	Lít	6.000	16.500	99.000.000

Handwritten signature/initials

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
308	10	237	Ống nội khí quản công miệng có bóng kèm lỗ hút dịch cỡ 6 -> 8	3	SHILEY™ TAPERGUARD EVAC ORAL TRACHEAL TUBE, MURPHY EYE 6.5 MM (18865) SHILEY™ TAPERGUARD EVAC ORAL TRACHEAL TUBE, MURPHY EYE 7.0 MM (18870) SHILEY™ TAPERGUARD EVAC ORAL TRACHEAL TUBE, MURPHY EYE 7.5 MM (18875) Shiley™ TaperGuard Evac Oral Tracheal Tube, Murphy Eye 8.0 mm (18880)	18865, 18870, 18875, 18880	Covidien	Mexico	Covidien LLC	Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	200	400.000	80.000.000
309	11	249	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon, 12-> 30 Fr	6	DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 2-WAY, RUBBER VALVE, 12 FR/CH (26127) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 2-WAY, RUBBER VALVE, 14 FR/CH (26147) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 2-WAY, RUBBER VALVE, 16 FR/CH (26167) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 2-WAY, RUBBER VALVE, 18 FR/CH (26187) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 2-WAY, RUBBER VALVE, 20 FR/CH (26207) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 2-WAY, RUBBER VALVE, 22 FR/CH (26227) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 2-WAY, RUBBER VALVE, 24 FR/CH (26247) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 2-WAY, RUBBER VALVE, 26 FR/CH (26267) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 2-WAY, RUBBER VALVE, 28 FR/CH (26277)	26127, 26147, 26167, 26187, 26207, 26227, 26247, 26267, 26277	Covidien/Mediquip SDN. BHD	Malaysia	Cardinal Health	Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	35.000	24.832	869.120.000
310	12	250	Ống thông tiểu 3 nhánh, cao su trắng silicon, 16-> 24Fr	6	DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 3-WAY, RUBBER VALVE, 16 FR/CH (12167) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 3-WAY, RUBBER VALVE, 18 FR/CH (12187) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 3-WAY, 20 FR/CH (12207) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 3-WAY, RUBBER VALVE, 22 FR/CH (12227) DOVERTM SILICONE COATED LATEX, FOLEY CATHETER, 30 ML, 3-WAY, RUBBER VALVE, 24 FR/CH (12247)	12167, 12187, 12207, 12227, 12247	Covidien/Mediquip SDN. BHD	Malaysia	Cardinal Health	Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	350	47.355	16.574.250

STT	STT theo nhà thầu	Số theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
317	3	420	Nón phẫu thuật dạng xếp	6	Mũ con sâu tiết trùng	MSTT	Công Ty TNHH Vật Tư và Trang Thiết Bị Y Tế Hạnh Phú	Việt Nam	Công Ty TNHH Vật Tư và Trang Thiết Bị Y Tế Hạnh Phú	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	462.000	735	339.570.000
Tổng cộng:		3	danh mục											Giá trị:	611.070.000

63 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa Vũng Tàu

STT	STT theo nhà thầu	Số theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
318	1	285	Stent thanh quản bằng silicone	3	Montgomery® Laryngeal stent	323xxx	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	1 Cái/ Hộp	Cái	2	6.300.000	12.600.000
319	2	286	Stent khí quản bằng silicone	3	Tracheobronchial Silicone Stent	01TDxxxx, 01BDxxxx 01TFxxxx 01BBxxxx	Novatech	Pháp	Novatech	Pháp	1 Cái/ Hộp	Cái	2	28.000.000	56.000.000
320	3	454	Ống thông chữ T giữ đường mở khí quản, Silicon mềm, các cỡ	3	Montgomery safe-T-Tube	5200xx, 3200xx	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	1 Cái/ Hộp	Cái	10	12.000.000	120.000.000
321	4	527	Bóng cầm máu mũi	3	EPI-MAX™ EPISTAXIS CATHETER	60-402 60-402L	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	1 Cái/ Hộp	Cái	10	4.504.500	45.045.000
322	5	539	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng áp thành khí quản	3	Long-term cannula	330xxx	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	1 Cái/ Hộp	Cái	10	8.316.000	83.160.000
323	6	540	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng ống	3	Singer Laryngectomy Tube	SLT-xxxx	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	1 Cái/ Hộp	Cái	10	4.500.000	45.000.000
324	7	542	Ống sửa chữa đoạn hẹp hạ hầu, thực quản	3	Montgomery® salivary bypass tube	322xxx	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	1 Cái/ Hộp	Cái	2	14.000.000	28.000.000

[Handwritten signature]

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
325	8	543	Thuớc đo chiều dài, đường kính thành khí quản	3	stomeasure™	STM100	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	1 Cái/ Hộp	Cái	10	1.524.600	15.246.000
326	9	544	Van nói	3	Cannula Speaking Valves	350xxx	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	Boston Medical Products, Inc.	Mỹ	1 Cái/ Hộp	Cái	2	8.038.800	16.077.600
Tổng cộng:		9	danh mục											Giá trị:	421.128.600

64 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Thiết bị y tế An Lợi

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
327	1	448	Giấy in dùng ghi tin thai và con gò, cỡ 130mm x 120mm x 300 tờ	6	Giấy in monitor sản khoa 130mm x 120mm x 250sheets	MCBT130120/250R1	Dongguan TianYin paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	Dongguan TianYin paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	72 Xấp/Thùng	Xấp	40	62.700	2.508.000
328	2	449	Giấy in dùng ghi tin thai và con gò, cỡ 151 x 100mm dùng cho máy Avalon FM20	6	Giấy in monitor sản khoa 150mm x 100mm x 150sheets	MCP150100/150GNS	Dongguan TianYin paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	Dongguan TianYin paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	78 Xấp/Thùng	Xấp	2.000	31.680	63.360.000
329	3	473	Giấy in nhiệt dùng ghi tin hiện diện tâm đồ, cỡ 80 x 70mm	6	Giấy in điện tim 80mm x 70mm x 300sheets	MCSL8070/300RS	Dongguan TianYin paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	Dongguan TianYin paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	150 Xấp/Thùng	Xấp	1.350	34.100	46.035.000
330	4	476	Giấy in nhiệt dùng ghi tin hiện diện tâm đồ, cỡ 215 x 30mm	6	Giấy in điện tim 215mm x 30mm	MC21530/16R	Dongguan TianYin paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	Dongguan TianYin paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	20 Cuộn/Thùng	Cuộn	30	90.860	2.725.800
Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	114.628.800

65 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Y tế Định Giang

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
331	1	357	Miếng dán điện cực trung tính dùng cho người bệnh ≥ 13kg	3	Miếng dán điện cực trung tính	1280H	Nissha	Anh	Nissha	Anh	50 cái/Gói	Cái	20.900	21.000	438.900.000
332	2	359	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật	3	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật	4036/4009	Nissha	Anh	Nissha	Anh	50 cái/Gói	Cái	250.000	1.470	367.500.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
333	3	383	Bầu phun khí dung sử dụng nhiều lần	3	Bầu phun khí dung sử dụng nhiều lần	023G8511	Pari	Đức	Pari	Đức	Cái/Gói	Cái	35	950.000	33.250.000
334	4	508	Miếng đệm mũi	3	Miếng đệm mũi	61916	Resmed	Úc/Mỹ	Resmed	Úc	Cái/Gói	Cái	50	550.000	27.500.000
Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	867.150.000

66 Tên nhà thầu: Liên danh Hoàng Khải Minh - An Dung

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
335	1	466	Bộ trang phục phòng chống dịch cấp độ 3	6	Bộ đồ bảo hộ y tế	BH-AD	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ AN DUNG	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ AN DUNG	Việt Nam	Gói/1 bộ	Bộ	16.340	56.160	917.654.400
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	917.654.400

67 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Huy Thông

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
336	1	216	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật	6	Drainage Bag - LU-800	800ml	Bioteque Corporation	Đài Loan	Bioteque Corporation, Đài Loan	Đài Loan	Gói / cái	Cái	3.000	61.740	185.220.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	185.220.000

68 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc Tế Vavi

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
337	1	163	Kim điện cơ đồng tâm 26G, dài 40mm, dùng cho máy Cadwell / Medtronic	3	Kim điện cơ đồng tâm 26G, dài 40mm, dùng cho máy Cadwell / Medtronic	D039045401	Spes Medica S.r.l	Ý	Spes Medica S.r.l	Ý	Hộp/ 25 cái	Cái	7.050	162.750	1.147.387.500
338	2	164	Kim điện cơ đồng tâm 30G, dài 25mm, dùng cho máy Medtronic / Cadwell	3	Kim điện cơ đồng tâm 30G, dài 25mm, dùng cho máy Medtronic / Cadwell	74025-30/25	Ambu Sdn. Bhd	Malaysia	Ambu A/S	Đan Mạch	Hộp/ 25 cái	Cái	100	168.000	16.800.000
339	3	165	Kim điện cơ có cổng tiêm thuốc, cỡ 25G	6	Kim điện cơ có cổng tiêm thuốc, cỡ 25G	744 50-50/10	Ambu Sdn. Bhd	Malaysia	Ambu A/S	Đan Mạch	Hộp/ 10 cái	Cái	500	420.000	210.000.000

Handwritten signature

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
340	4	316	Điện cực dán đo dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	6	Điện cực dán đo dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	715 12-K/C/12	Ambu Sdn. Bhd	Malaysia	Ambu A/S	Đan Mạch	Gói/ 6 cặp	Cặp	1.100	157.500	173.250.000
341	5	317	Điện cực dặt dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	6	Điện cực dặt dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	714 15-M/1	Ambu Sdn. Bhd	Malaysia	Ambu A/S	Đan Mạch	Hộp/25 cái	Cái	675	84.000	56.700.000
342	6	318	Điện cực nhẵn dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	3	Điện cực nhẵn dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	SRRING0126T	Spes Medica S.r.l	Ý	Spes Medica S.r.l	Ý	Hộp/1 cái	Cái	10	3.801.000	38.010.000
Tổng cộng:		6	danh mục											Giá trị:	1.642.147.500

69 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Phương

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
343	1	356	Miếng dán điện cực trung tính cho máy cắt đốt dùng cho trẻ em	3	Miếng dán điện cực trung tính cho máy cắt đốt dùng cho trẻ em	E7510-25	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	25 cái/ gói	Cái	250	408.000	102.000.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	102.000.000

70 Tên nhà thầu: Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam CTCP

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
344	1	487	Túi ép dẹp, cỡ 100mm x 200mm	5	Túi tiệt trùng cuộn dẹp 10cm*200m(F)	05MFSR100200(F)	Chi nhánh Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP - Nhà máy nhựa y tế Medioplast	Việt Nam	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	Việt Nam	Thùng/2 cuộn	Cuộn	176	400.000	70.400.000
345	2	489	Túi ép dẹp, cỡ 200mm x 200mm	5	Túi tiệt trùng cuộn dẹp 20cm*200m(F)	05MFSR200200(F)	Chi nhánh Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP - Nhà máy nhựa y tế Medioplast	Việt Nam	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	Việt Nam	Thùng/4 cuộn	Cuộn	210	760.000	159.600.000
346	3	490	Túi ép dẹp, cỡ 250mm x 200mm	5	Túi tiệt trùng cuộn dẹp 25cm*200m(F)	05MFSR250200(F)	Chi nhánh Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP - Nhà máy nhựa y tế Medioplast	Việt Nam	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	Việt Nam	Thùng/2 cuộn	Cuộn	64	952.000	60.928.000
347	4	491	Túi ép dẹp, cỡ 300mm x 200mm	5	Túi tiệt trùng cuộn dẹp 30cm*200m(F)	05MFSR300200(F)	Chi nhánh Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP - Nhà máy nhựa y tế Medioplast	Việt Nam	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	Việt Nam	Thùng/2 cuộn	Cuộn	26	1.100.000	28.600.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
348	5	494	Túi ép phẳng, cỡ 200mm x 55/60mm x 100m	5	Túi tiết trùng cuộn phẳng 20cm*6cm*100m(F)	05MGSR20060100(F)	Chi nhánh Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP - Nhà máy nhựa y tế Medioplast	Việt Nam	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	Việt Nam	Thùng/4 cuộn	Cuộn	105	567.000	59.535.000
349	6	496	Túi ép phẳng, cỡ 300mm x 65/80mm x 100 m	5	Túi tiết trùng cuộn phẳng 30cm*6.5cm*100m(F)	05MGSR30065100(F)	Chi nhánh Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP - Nhà máy nhựa y tế Medioplast	Việt Nam	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	Việt Nam	Thùng/2 cuộn	Cuộn	30	813.000	24.390.000
Tổng cộng:		6	danh mục											Giá trị:	403.453.000

71 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thiết Bị Sài Gòn

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
350	1	137	Kim lấy máu chân không, 22G	3	BD Vacutainer® PrecisionGlide™ Multiple Sample Needle	360211	Becton, Dickinson and Company	United Kingdom	Becton, Dickinson and Company	United Kingdom	100 cái/hộp 1000 cái/thùng	Cái	600.000	2.700	1.620.000.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	1.620.000.000

72 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Anh Khoa

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
351	1	172	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng với ống soi khí phế quản, cỡ 21G, 22G	3	Kim chọc hút sinh thiết dùng 1 lần (5 cái/ hộp)	NA-201SX-4021 A/ NA-201SX-4022 A	Aomori Olympus	Nhật	Olympus Medical Systems Corp	Nhật	Hộp/ 5 cái	Cái	50	4.374.720	218.736.000
352	2	510	Chổi quét tế bào dùng cho ống soi khí phế quản	3	Chổi quét tế bào (10 cái/ hộp)	BC-202D-2010	Aomori Olympus	Nhật	Olympus Medical Systems Corp	Nhật	Hộp/10 cái	Cái	5	630.000	3.150.000
Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	221.886.000

73 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Trọng Tín

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
353	1	148	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường bằng polyurethane, cỡ 20/22G dài 13cm	6	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường số 20G, 22G VenX dài 13cm	BCVC 20G01-13 BCVC 22G01-13	Bllifesciences	Ấn Độ	Bllifesciences	Ấn Độ	5 Bộ/ Hộp	Bộ	20	419.790	8.395.800

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
354	2	151	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 4/5Fr dài 6/ 8/ 13cm	6	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường VenX cỡ 4F, 5F dài 6cm, 8cm, 13cm các cỡ	BCVC 402 xx BCVC 502 xx	Bllifesciences	Ấn Độ	Bllifesciences	Ấn Độ	5 Bộ/ Hộp	Bộ	50	499.800	24.990.000
355	3	158	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường bằng polyurethane, phủ ion bạc kháng khuẩn, cỡ 7Fr dài 16-> 20 cm	6	Catheter tĩnh mạch trung tâm kháng khuẩn (Prime-S) 3 nòng 7F dài 15cm hoặc 20cm	B-T-7-15 B-T-7-20	Sungwon	Hàn Quốc	Sungwon	Hàn Quốc	10Bộ/ Hộp	Bộ	40	837.900	33.516.000
356	4	159	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane 4.5/5.5Fr dài 6cm/8cm/13cm	6	Catheter tĩnh mạch trung tâm VenX 4.5F 3L 6cm, 5.5F 3L 8/13cm	BCVC 4.503xx BCVC 5.503xx	Bllifesciences	Ấn Độ	Bllifesciences	Ấn Độ	5 Bộ/ Hộp	Bộ	250	734.790	183.697.500
357	5	206	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 12-> 18Fr	6	Ống thông dạ dày (cho ăn) ComforSoft Stomach tube có nắp, có đường cân quang Xline các cỡ	BSTxx	Symphon	Đài Loan	Symphon	Đài Loan	100 Cái/ Bịch	Cái	8.000	12.600	100.800.000
358	6	223	Bình đựng dịch dẫn lưu màng phổi, bằng nhựa, cỡ 1800ml	6	Bình dẫn lưu màng phổi, bằng nhựa 1800ml có dây	H03195	Pacific Hospital Supply Co., Ltd.	Đài Loan	Pacific Hospital Supply Co., Ltd.	Đài Loan	6 Cái/ Thùng	Cái	200	210.000	42.000.000
359	7	230	Ống ca-nuyn mở khí quản 1 nòng, có bóng, đường kính ngoài từ 9.2 đến 14.0mm	6	Mở khí quản Blue Line Ultra có bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn, các cỡ	100/800/xxx	Smiths	C.H.Séc	Smiths	Hoa Kỳ	01 Cái/ Hộp	Cái	20	273.000	5.460.000
360	8	232	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ, cỡ 6 -> 10	3	Mở khí quản 2 nòng Blue Line Ultra có bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn, không lỗ thông khí, các số	100/810/xxx	Smiths	C.H.Séc	Smiths	Hoa Kỳ	01 Cái/ Hộp	Cái	20	837.900	16.758.000
361	9	241	Ống nội khí quản lò xo cổng mũi miệng có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 3.0 -> 8.0Fr	3	Ống nội khí quản thân ống phủ silicon, có lò xo, bóng thể tích lớn áp lực thấp, các số 3-9	12-xx10	Sumi	Ba Lan	Sumi	Ba Lan	Hộp/10 bộ	Bộ	200	209.790	41.958.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
362	10	246	Ông thông tiểu 1 nhánh	6	Ông thông tiểu 1 nhánh (Sonde Nelaton) ComforSoft mã hóa màu, các số	ANxx	Symphon	Đài Loan	Symphon	Đài Loan	Bịch 100 cái	Cái	5.800	5.229	30.328.200
363	11	256	Ông dẫn lưu màng phổi có trocar, 12 - > 32Fr	4	Ông dẫn lưu màng phổi có trocar đi kèm các cỡ 12-32 Fr	NN-xxxx	Biometrix	Israel	Biometrix	Israel	20 Cái/ Hộp	Cái	50	336.000	16.800.000
364	12	258	Ông hút đàm có khóa kiểm soát, cỡ 6-> 10Fr	6	Dây hút đàm có van kiểm soát ComforSoft các cỡ	BSUxx	Symphon	Đài Loan	Symphon	Đài Loan	Bịch 100 cái	Cái	5.000	2.709	13.545.000
365	13	260	Bộ dây hút đàm kín, cỡ 12->16Fr	4	Bộ hút đàm kín 2 nòng, (SuctionPro 72) sử dụng 72h, các size 12Fr-16Fr	Z210-xx	Smiths	Mexico	Smiths	Hoa Kỳ	20 bộ/ bịch	Bộ	450	294.000	132.300.000
366	14	273	Ông nối chữ Y, các cỡ	6	Co nối 3 nhánh chữ Y PerfX có hoặc không có khóa luer	BCN-YxxxL	Bllifesciences	Ấn Độ	Bllifesciences	Ấn Độ	25 Cái/ Hộp	Cái	400	83.790	33.516.000
367	15	274	Ông nối thẳng, có hoặc không có khóa luer lock, các cỡ	6	Co nối thẳng PerfX có hoặc không có khóa luer các cỡ	BCN-Sxx BCN-SxxL	Bllifesciences	Ấn Độ	Bllifesciences	Ấn Độ	Hộp/50 cái	Cái	500	45.150	22.575.000
368	16	349	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da, đường kính trong 7-> 9mm	3	Bộ mở khí quản ULTRApere qua da (MKQ tại giường ICU)	100/561/0x0	Smiths	Anh Quốc	Smiths	Hoa Kỳ	hộp/ 1 bộ	Bộ	37	6.300.000	233.100.000
369	17	351	Bộ đo theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường trẻ em	6	Bộ đo (theo dõi) huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường Ipx trẻ em hoặc sơ sinh, có khóa lấy máu kín an toàn (Marverlous stopcock)	BKT-1254	Bllifesciences	Ấn Độ	Bllifesciences	Ấn Độ	Hộp/ 5 bộ	Bộ	20	417.900	8.358.000
370	18	363	Mặt nạ (mask) khí dung dùng cho trẻ em, người lớn	6	Mask phun khí dung người lớn, trẻ em Plasti-med	130 106 130 107	Plasti-med	Thổ Nhĩ Kỳ	Plasti-med	Thổ Nhĩ Kỳ	Gói 1 cái (70 Cái/ Thùng)	Cái	19.000	23.100	438.900.000
371	19	375	Phin lọc vi khuẩn, dành cho máy điều áp	3	Phin lọc vi khuẩn, dành cho máy điều áp	002531	Smiths	Mexico	Smiths	Hoa Kỳ	20 Cái/ Bịch	Cái	7.000	62.790	439.530.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
372	20	530	Catheter lọc máu hai nồng độ trong lọc máu cho trẻ em	6	Catheter chạy thận 2 đường Prymax 6.5Fr dài 11cm	PDC-S206511R	Prymax	Án Độ	Prymax	Án Độ	1 bộ/ gói 5 Bộ/ Hộp	bộ	12	732.900	8.794.800
Tổng cộng:		20	danh mục											Giá trị:	1.835.322.300

74 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khởi Tâm

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
373	1	451	Hệ thống giác hút cầm tay	3	Giác hút sản khoa cầm tay/ Giác hút sản khoa cầm tay Kiwi OmniCup	Kiwi® OmniCup® Vacuum Delivery System/ VAC-6000MT	Clinical Innovations, LLC.	Mỹ	Clinical Innovations, LLC.	Mỹ	Hộp/5 cái	cái	100	1.400.000	140.000.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	140.000.000

75 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược Kim Đô

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
374	1	12	Băng thun 10cm, chiều dài không kéo dãn 180 - 220cm	6	Urgoband 10cm x 4,5m	691317/550544	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	17.000	22.500	382.500.000
375	2	13	Băng thun 15cm, chiều dài không kéo dãn 180 - 220cm	6	Urgoband 15cm x 4,5m	691318/550545	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	1.000	31.200	31.200.000
376	3	14	Băng thun 7.5cm, chiều dài không kéo dãn 180 - 220cm	6	Urgoband 7.5cm x 4,5m	691316/550543	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	1.100	18.200	20.020.000
377	4	20	Băng dính có oxit kẽm, 10cm x 4.5m	6	Urgocrepe 10cm x 4.5m	696030/550567	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Hộp 1 cuộn	Cuộn	1.500	135.700	203.550.000
378	5	27	Băng dính, dạng giấy, 2.5cm x 5m	6	Urgopore 2.5cm x 5m	696775/550607	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Hộp 1 cuộn	Cuộn	8.000	16.200	129.600.000
379	6	77	Gạc xốp lipido-colloid, 10 x 10cm	3	Urgostart (Micro-Adhesive) 10cm x 10cm	503853	Laboratoires Urgo	Pháp	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 10 miếng	Miếng	20	197.000	3.940.000
380	7	83	Gạc lưới tẩm bạc, cỡ 10 x 12cm	3	Urgotul Ag/Silver 10cm x 12cm	551315	Laboratoires Urgo	Pháp	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 16 miếng	Miếng	700	55.000	38.500.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
381	8	84	Gạc lưới tẩm nano-oligosaccharide, 10 x 10cm	3	Urgostart Contact 10cm x 10cm	550198	Laboratoires Urgo	Pháp	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 10 miếng	Miếng	300	125.000	37.500.000
382	9	85	Gạc lưới, cỡ 10 x 10cm	3	Urgotul 10cm x 10cm	550273	Laboratoires Urgo	Pháp	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 10 miếng	Miếng	3.000	34.200	102.600.000
383	10	86	Gạc thấm hút tẩm bạc, cỡ 10 x 10cm	3	Urgoclean Ag 10cm x 10cm	551978	Laboratoires Urgo	Pháp	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 10 miếng	Miếng	700	145.000	101.500.000
384	11	93	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa loét do tỳ đè, dạng xịt	3	Sanyrene 20ml	552546	Laboratoires Urgo	Pháp	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 1 chai	Chai	1.900	140.000	266.000.000
Tổng cộng:		11	danh mục											Giá trị:	1.316.910.000

76 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật An Pha

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
385	1	8	Băng bột bó, cỡ 15cm x 3.6m	3	Băng sợi thủy tinh Scotchcast Plus cố định xương gãy 5inch	82005	3M Poland Manufacturing Sp. Z.o.o	Ba Lan	3M	Mỹ	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	200	145.000	29.000.000
386	2	10	Băng dán hồi, tự dính, 10cm x 4.5 ± 0.05m	3	Băng thun cuộn tự dính y tế Coban 10cm x 4,5m	1584S	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	500	90.000	45.000.000
387	3	11	Băng dán hồi, tự dính, 7.5cm x 4.5 ± 0.05m	3	Băng thun cuộn tự dính y tế Coban 7,5cm x 4,5m	1583	3M Deutschland GmbH	Đức	3M	Mỹ	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	500	55.000	27.500.000
388	4	15	Băng cá nhân 2cm, dài 6 ± 1cm	6	Băng keo cá nhân y tế 3M	626-100V	3M Thailand Ltd.	Thái Lan	3M	Thái Lan	Hộp/ 100 miếng	Miếng	2.500.000	380	950.000.000
389	5	16	Băng cá nhân dành cho trẻ em	5	Băng keo cá nhân in hình KIDS BAND (PORORO), 72mm x 18mm, 20 miếng/hộp		Công ty TNHH Young Chemical Vina	Việt Nam	Công ty TNHH Young Chemical Vina	Việt Nam	20 miếng/ hộp	Miếng	8.000	840	6.720.000

76/2024

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
390	6	18	Băng dính trong suốt có đinh kim luồn, 3,8 x 4,5cm	3	Băng phim trong vô trùng không thấm nước 3M Tegaderm I.V 3,8cm x 4,5cm	1680	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 100 miếng	Miếng	1.000	20.000	20.000.000
391	7	19	Băng dính trong suốt có đinh kim luồn, 6,5 x 7cm	3	Băng phim trong vô trùng không thấm nước 3M Tegaderm I.V 6,5cm x 7cm	1683	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 100 miếng	Miếng	220.000	10.500	2.310.000.000
392	8	22	Băng dính trong suốt, 2,5cm x 9m	3	Băng keo trong y tế TRANSPORE 2,5cm x 9,1m	1527-1	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 12 cuộn	Cuộn	34.000	21.000	714.000.000
393	9	33	Gạc Alginate, cỡ 15x15cm	6	Băng vết thương loét tiết dịch y tế 3M™ Tegaderm™ Alginate Ag 15cm x 15cm	90305	Advanced Medical Solutions Ltd	Anh	3M	Mỹ	5 miếng/ hộp	Miếng	100	300.000	30.000.000
394	10	34	Gạc Alginate, dạng cuộn, cỡ rộng 2,5cm x dài 30 ± 0,5cm	6	Băng vết thương loét tiết dịch y tế 3M™ Tegaderm™ Alginate Ag 2,5 x 30cm	90307	Advanced Medical Solutions Ltd	Anh	3M	Mỹ	5 miếng/ hộp	Miếng	500	220.000	110.000.000
395	11	53	Gạc gắn với băng dính bằng vải không dệt, cỡ 6 x 8cm	6	Băng dính vải mềm y tế có gạc vô trùng Soft Cloth 6cm x 8cm	3662A	3M Thailand Ltd.	Thái Lan	3M	Thái Lan	Hộp/ 50 miếng	Miếng	32.000	4.600	147.200.000
396	12	54	Gạc gắn với băng dính bằng vải không dệt, cỡ 9 x 20cm	6	Băng dính vải mềm y tế có gạc vô trùng Soft Cloth 9cm x 20cm	3670A	3M Thailand Ltd.	Thái Lan	3M	Thái Lan	Hộp/ 25 miếng	Miếng	2.000	8.500	17.000.000
397	13	55	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 5 x 7cm	3	Băng phim dính y tế trong suốt có gạc vô trùng Tegaderm Pad 5cm x 7cm	3582	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 50 miếng	Miếng	70.000	6.300	441.000.000
398	14	56	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 25cm	3	Băng phim dính y tế trong suốt có gạc vô trùng Tegaderm Pad 9cm x 25cm	3591	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 25 miếng	Miếng	11.000	36.000	396.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
399	15	57	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 15cm	3	Băng phim dính y tế trong suốt có gạc vô trùng Tegaderm Pad 9cm x 15cm	3589	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 25 miếng	Miếng	10.000	20.000	200.000.000
400	16	61	Gạc hydrocolloid, cỡ 15 x 15cm	3	Miếng dán y tế chống loét Tegaderm Hydrocolloid 15cm x 15cm, hình vuông, dày	90005	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 3 miếng	Miếng	200	228.000	45.600.000
401	17	63	Gạc hydrocolloid, hình oval, cỡ 10 x 12cm (±0.5)	3	Miếng dán y tế chống loét Tegaderm Hydrocolloid 10cm x 12cm, hình oval, dày	90003; 90023	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 5 miếng hoặc Hộp/ 10 miếng	Miếng	600	120.000	72.000.000
402	18	64	Gạc hydrocolloid, hình oval, cỡ 7 x 9cm (±0.5)	3	Miếng dán y tế chống loét Tegaderm Hydrocolloid 7cm x 9cm	90001; 90021	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 5 miếng hoặc Hộp/ 10 miếng	Miếng	800	100.000	80.000.000
403	19	65	Gạc hydrocolloid, dùng cho vùng cùi chỏ, 12 x 13cm (±0.5)	3	Miếng dán y tế chống loét Tegaderm Hydrocolloid 13,9cm x 12,3cm, vùng cùi chỏ, dày	90007	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 6 miếng	Miếng	300	195.000	58.500.000
404	20	68	Gel hydrogel làm ẩm vết thương	6	Gel y tế làm mềm hoại tử khô 3M™ Tegaderm™ Hydrogel Wound Filler 25g	91111	Advanced Medical Solutions Ltd	Anh	3M	Mỹ	Hộp/ 10 ống	Ống	200	180.000	36.000.000
405	21	78	Gạc xốp (foam) 10 x 11cm, màng film phủ ngoài, cỡ 14 x 15cm (±0.5)	3	Băng dính Tegaderm Foam 14,3cm x 15,6cm	90613	3M Deutschland GmbH	Đức	3M	Mỹ	Hộp/ 5 miếng	Miếng	500	120.000	60.000.000
406	22	79	Gạc xốp (foam) 13 x 17cm, màng film phủ ngoài, cỡ 19 x 22cm (±0.5)	3	Băng dính Tegaderm Foam 19cm x 22,2cm	90616	3M Deutschland GmbH	Đức	3M	Mỹ	Hộp/ 5 miếng	Miếng	200	170.000	34.000.000

Handwritten signature

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thống tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
407	23	80	Gạc xốp (foam) 6 x 7cm, màng film phủ ngoài, cỡ 10 x 11cm	3	Băng dính Tegaderm Foam 10cm x 11cm	90611	3M Deutschland GmbH	Đức	3M	Mỹ	Hộp/ 10 miếng	Miếng	600	95.000	57.000.000
408	24	87	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật 56x45cm	3	Màng phẫu thuật Ioban 2 56cm x 45cm	6650/ 6650EZ	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 10 miếng	Miếng	1.500	149.940	224.910.000
409	25	88	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật phủ Iodophur, 34x35cm	3	Màng phẫu thuật Ioban 2 34cm x 35cm	6640/ 6640EZ	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 10 miếng	Miếng	3.500	142.000	497.000.000
410	26	89	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 2%, 10 x 12cm	3	Băng cố định 3M Tegaderm CHG I.V. Securement Dressing 10cm x 12cm	1658R	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 25 miếng	Miếng	6.500	155.400	1.010.100.000
411	27	92	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt điều trị phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực	3	Dung dịch bảo vệ và hỗ trợ điều trị tổn thương da 3M™ Cavilon™ No Sting Barrier Film 28ml	3346E	Aphena Pharma Solutions - Maryland, LLC	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Chai/ 28ml	Chai	1.000	250.000	250.000.000
412	28	94	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết dạng kem	3	Kem ngăn ngừa tổn thương da 3M™ Cavilon™ Durable Barrier Cream 28g	3391G	3M Health Care Ltd.	Anh	3M	Mỹ	Gói/ Tuýp 28g	Gói	1.300	122.000	158.600.000
413	29	95	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực, 1ml	3	Dung dịch bảo vệ và hỗ trợ điều trị tổn thương da 3M™ Cavilon™ No Sting Barrier Film 1ml	3344E	Aphena Pharma Solutions - Maryland, LLC	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 30 gói	Gói	2.400	14.000	33.600.000
414	30	386	Bộ sạc pin dùng để nạp pin cho tổng đài điện không dây	3	Sạc pin cho tổng đài điện 3M Drop-in Charger with cord	9662L	Wahl Clipper Corporation	Hoa Kỳ/ Trung Quốc	3M	Mỹ	Hộp/ 1 bộ	Bộ	2	860.000	1.720.000
415	31	413	Tấm lót, 60 x 60cm	6	Tấm trải đa năng Amethyst (Surgical sheets)	43140/ 43331	Cobes Industries (Hefei) Co.,Ltd.	Trung Quốc	Daici Co.,Ltd	Nhật Bản	25 miếng/ túi	Miếng	90.000	9.500	855.000.000
416	32	414	Tấm lót, 60 x 90cm	6	Tấm trải đa năng Amethyst (Surgical sheets)	43333/ 43531	Cobes Industries (Hefei) Co.,Ltd.	Trung Quốc	Daici Co.,Ltd	Nhật Bản	25 miếng/ túi	Miếng	270.900	10.000	2.709.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
417	33	507	Chỉ thị sinh học, kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước	3	Chỉ thị sinh học 3M Attest™ Biological Indicators 6cm x 1cm	1492V	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 50 ống	Ống	2.000	87.000	174.000.000
Tổng cộng:		33	danh mục											Giá trị:	11.800.450.000

77 Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hiệp Lợi

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
418	1	224	Lọ lấy đàm tiệt khuẩn, các cỡ	6	Bộ hút đàm kín	WH-5035	Suzhou Tianping Huachang Medical Instrument Co., Ltd.	Trung Quốc	Suzhou Tianping Huachang Medical Instrument Co., Ltd.	Trung Quốc	Gói/1 cái	Cái	5.000	13.625	68.125.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	68.125.000

78 Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Công Nghệ AMC Việt Nam

STT	STT theo nhà thầu	Stt theo HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm thông tư 14 theo HSMT	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
419	1	523	Bộ dụng cụ dẫn lưu phân	6	Bộ dụng cụ dẫn lưu phân	BSZ-21-1	Jiangsu Borsun Medical Instrument Co.,Ltd	Trung Quốc	Jiangsu Borsun Medical Instrument Co.,Ltd	Trung Quốc	Hộp/ 1 bộ	Bộ	30	3.850.000	115.500.000
Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	115.500.000



PHỤ LỤC 2: DANH MỤC KHÔNG TRÚNG THẦU
(Đính kèm Quyết định số 1122/QĐ-BVĐHYD ngày 13 tháng 6 năm 2022)

STT	STT HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm theo thông tư 14	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do
1	1	Bông gòn, dạng cuộn, gói 1 kg	5	Gói/ 1 kg	Gói	120	119.700	14.364.000	Vượt giá kế hoạch
2	23	Băng dính, 10cm x 10m	6	Hộp 1 cuộn	Cuộn	3.000	173.900	521.700.000	Vượt giá kế hoạch
3	24	Băng dính trong suốt, 10 x 12cm	3	Hộp/ 50 miếng	Miếng	24.000	9.345	224.280.000	Vượt giá kế hoạch
4	25	Băng dính trong suốt, 6 x 7cm	3	Hộp/ 50 miếng	Miếng	6.200	3.969	24.607.800	Vượt giá kế hoạch
5	26	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 7 x 10cm	6	Hộp 50 miếng	Miếng	150	8.310	1.246.500	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
6	28	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng	3	Hộp/1 cuộn	Cuộn	50	315.000	15.750.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
7	36	Gạc cuộn sạch, cỡ 9cmx2.5m	5	Gói/50 cuộn	Cuộn	9.000	1.386	12.474.000	Vượt giá kế hoạch
8	40	Gạc phẫu thuật cân quang, 20 x 40cm, 6 lớp	5	Gói/5 miếng	Miếng	4.000	3.780	15.120.000	Vượt giá kế hoạch
9	42	Gạc phẫu thuật cân quang, 30 x 40cm, 10 lớp	5	Gói/5 miếng; Gói/2 miếng	Miếng	142.000	6.666	946.572.000	Vượt giá kế hoạch
10	47	Gạc phẫu thuật, cân quang, cỡ 10 x 10 cm, 8 lớp	5	Gói/10 miếng	Miếng	700.000	519	363.300.000	Vượt giá kế hoạch
11	49	Gạc băng mắt 5x7cm	5	Gói/ 10 miếng	Miếng	600	840	504.000	Vượt giá kế hoạch
12	52	Gạc sạch, cỡ 30x40cm, 10 lớp	6	Gói/30 miếng	Miếng	60.000	6.760	405.600.000	Vượt giá kế hoạch
13	82	Gạc tẩm chlorhexidine 2%	3	Hộp/100 miếng	Miếng	90.000	2.100	189.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
14	91	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt bảo vệ vùng da nhạy cảm, kích ứng	3	Hộp/ 01 chai	Chai	220	263.130	57.888.600	Vượt giá kế hoạch
15	96	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa dùng cho máy điều trị vết thương áp lực âm	3	Gói/1 bộ	Bộ	35	3.000.000	105.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
16	106	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 11 x 8 x 1.8cm, có chức năng tưới rửa	3	Gói/ 1 bộ	Bộ	14	3.500.000	49.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
17	107	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 17 x 15 x 1.8cm, có chức năng tưới rửa	3	Gói/ 1 bộ	Bộ	24	4.000.000	96.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
18	108	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 25 x 15 x 1.6cm, có chức năng tưới rửa	3	Gói/ 1 bộ	Bộ	12	6.500.000	78.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
19	128	Bơm tiêm cân từ, cỡ 65/115ml	6	Hộp/ 1 cái	cái	500	382.725	191.362.500	Vượt giá kế hoạch
20	130	Bơm tiêm liền kim 27G	6	Hộp 100 cái	Cái	5.200	2.310	12.012.000	Vượt giá kế hoạch
21	132	Bơm tiêm cân quang, cỡ 200ml	3	Hộp / 1 bộ	Bộ	360	770.000	277.200.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
22	133	Kim cánh bướm, các cỡ	4	Hộp/50 cái	Cái	3.200	4.620	14.784.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật

STT	STT HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm theo thông tư 14	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do
23	135	Kim lấy thuốc nhiều lần	3	Hộp/ 50 cái	Cái	6.700	30.000	201.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
24	140	Kim luồn mạch máu an toàn, hệ thống kín, các cỡ	3	Hộp/ 20 cái	Cái	3.100	137.000	424.700.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
25	143	Kim tiêm dùng 1 lần, 26G	6	Hộp/100 cái	Cái	3.000	525	1.575.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
26	144	Kim tiêm dùng 1 lần, cỡ 23Gx1"	5	Hộp/10 vi/ 10 cái	Cái	53.000	288	15.264.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
27	145	Kim chọc dò ối, cỡ 21G	6	Gói/1 cái	Cái	200	346.500	69.300.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
28	149	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường, bằng polyurethane, 24G dài 20cm	3	Hộp/10 bộ	Bộ	20	840.000	16.800.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
29	153	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 9Fr, dài 10cm	3	Gói/1 cái	Cái	20	2.100.000	42.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
30	160	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi, cỡ từ 1->2Fr, dài từ 8->20 cm	3	10 Cái /hộp	Cái	25	1.700.000	42.500.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
31	161	Catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 2 nông, 5F, 6F	4	Hộp/ 1 bộ	Cái	10	3.450.000	34.500.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
32	170	Kim sinh thiết điều trị khối u vú dùng 1 lần	6	Hộp/1 cái	Cái	118	8.000.000	944.000.000	Danh mục nhà thầu tham dự không đạt tính hợp lệ của HSĐT
33	171	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng cho mô mềm, các cỡ	3	Gói/1 cái	Cái	200	505.000	101.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
34	177	Kim châm cứu nhĩ hoàn, cỡ 0.22 x 1.5 mm	6	Hộp / 10 vi/ 10 cái	Cái	2.400	651	1.562.400	Danh mục không có nhà thầu tham dự
35	178	Kim châm cứu, cỡ 0.18x15mm	6	Hộp / 20 vi/ 5 cái	Cái	18.000	504	9.072.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
36	179	Kim châm cứu, cỡ 0.30x13 mm	6	Hộp / 20 vi/ 5 cái	Cái	10.000	399	3.990.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
37	180	Kim châm cứu, cỡ 0.30x25 mm	6	Hộp / 20 vi/ 5 cái	Cái	232.250	297	68.978.250	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
38	181	Kim châm cứu, cỡ 0.30x40 mm	6	Hộp / 20 vi/ 5 cái	Cái	5.500	297	1.633.500	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
39	182	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh tốc độ, dài 150cm	3	Thùng/ 50 cái	Cái	1.500	68.985	103.477.500	Vượt giá kế hoạch
40	188	Dây truyền máu đầu xoắn	5	Thùng/ 100 bộ	Bộ	4.000	22.575	90.300.000	Vượt giá kế hoạch
41	190	Dây nối dùng cho bơm tiêm cân quang, cỡ 30cm	5	Thùng/ 100 cái	Cái	36.000	7.560	272.160.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
42	194	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 100cm	3	Thùng 50 cái	Cái	17.000	21.840	371.280.000	Vượt giá kế hoạch
43	195	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 10cm	3	Thùng/ 200 cái	Cái	500	16.905	8.452.500	Vượt giá kế hoạch
44	196	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 25cm	3	Thùng 50 cái	Cái	70.000	18.885	1.321.950.000	Vượt giá kế hoạch
45	208	Dây cho ăn dùng cho các loại súp có độ nhớt cao	6	Gói/1 cái	Cái	80.000	8.610	688.800.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
46	213	Túi chứa dịch xà, cỡ 15 lít	3	Hộp/30 cái	Cái	800	67.000	53.600.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
47	218	Bình chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm, cỡ 300ml/ 500ml	3	Gói/1 cái	Cái	86	1.000.000	86.000.000	Vượt giá kế hoạch
48	225	Túi đựng mẫu bệnh phẩm	5	Gói/1 cái	Cái	4.300	4.100	17.630.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
49	242	Ống thở ô-xy 1 nhánh cỡ 8-> 16Fr	5	Gói/10 cái	Cái	2.000	2.394	4.788.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
50	253	Bộ dẫn lưu đường mật qua da có khóa, kích thước 6.5F, 7.5F, 8.5F và 10F, 12F, 14F	3	Hộp 5 cái	Cái	20	2.200.000	44.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
51	254	Ống dẫn lưu bằng cao su, đường kính 0.6-> 2.5cm	5	Gói/1 cái	Cái	800	4.200	3.360.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
52	257	Ống hút thai	5	Gói/1 cái	Cái	1.700	2.100	3.570.000	Vượt giá kế hoạch

STT	STT HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm theo thông tư 14	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do
53	261	Dây hút dịch, đường kính 10mm	5	Cuộn/ 40 mét	Mét	320	3.014	964.480	Danh mục không có nhà thầu tham dự
54	262	Dây hút dịch, đường kính 6mm	6	Cuộn/ 40 mét	Mét	2.400	1.716	4.118.400	Danh mục không có nhà thầu tham dự
55	263	Dây hút dịch, đường kính 8mm	6	Cuộn/ 40 mét	Mét	65.000	2.420	157.300.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
56	265	Dây rửa hút dịch, tương thích máy Phaco Whitestar Signature	4	Hộp/ 1 bộ	Bộ	20	1.900.000	38.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
57	267	Bộ phận chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng kết nối giữa catheter và túi dịch lọc	3	Hộp/6 cái	Cái	220	310.000	68.200.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
58	275	Catheter dùng thăm phân phúc mạc, đầu cong, bằng silicone, cỡ 15Fr	3	Hộp/5 cái	Cái	50	2.880.000	144.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
59	277	Catheter lọc máu đường hầm hai nòng bằng polyurethane, 15Fr, dài 28 -> 32cm	3	Hộp/5 cái	Cái	20	6.300.000	126.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
60	282	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng	3	Hộp/60 cái	Cái	6.000	4.900	29.400.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
61	283	Lưỡi dao tương thích tông đơ điện	3	Hộp/ 50 cái	Cái	1.000	57.000	57.000.000	Vượt giá kế hoạch
62	289	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 35x43cm	3	Hộp/ 100 cái	cái	29.900	37.620	1.124.838.000	Vượt giá kế hoạch
63	290	Phim X-quang tương thích máy Drypro, cỡ 35x43cm	3	Hộp/ 125 cái	Cái	7.200	36.000	259.200.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
64	291	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn tương thích máy Prismaflex	3	Thùng/ 4 bộ	Bộ	200	11.700.000	2.340.000.000	Vượt giá kế hoạch
65	295	Quả lọc, màng lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm, tương thích máy Prisma flex	3	Thùng/ 4 bộ	Bộ	1.380	7.200.000	9.936.000.000	Vượt giá kế hoạch
66	303	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m2, hệ số siêu lọc 14 ml/h/mmHg	3	Thùng/20 quả	Quả	250	291.900	72.975.000	Vượt giá kế hoạch
67	304	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.8m2, hệ số siêu lọc 14ml/giờ/ mmHg	3	Gói/1 quả	Quả	250	306.579	76.644.750	Vượt giá kế hoạch
68	312	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết	3	Gói/1 quả	Quả	120	2.500.000	300.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
69	313	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp	6	5 bộ/thùng	bộ	15	12.500.000	187.500.000	Vượt giá kế hoạch
70	321	Đai đầu gối	5	Gói/1 cái	Cái	150	95.000	14.250.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
71	340	Bộ kit tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu	5	hộp/ cái	hộp	20	2.145.000	42.900.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
72	344	Băng keo chỉ thị tiếp xúc, cỡ 1.8cm x 55m	3	Thùng/ 28 cuộn	Cuộn	700	89.100	62.370.000	Vượt giá kế hoạch
73	346	Bao áp lực truyền dịch nhanh, 500ml	3	Hộp/1 cái	Cái	70	3.672.900	257.103.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
74	348	Ống Ca-nuyn mở khí quản 1 nòng có bóng, đường kính ngoài từ 4.2 đến 13.7mm	6	1 bộ/ gói	bộ	5	199.500	997.500	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
75	355	Đề lưỡi nhựa tiết khuẩn	5	Hộp/ 100 Cái	Cái	8.000	693	5.544.000	Vượt giá kế hoạch
76	358	Miếng dán điện cực tương thích trong môi trường MRI	Không phân nhóm	Gói/4 cái	Cái	1.200	165.000	198.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
77	360	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/mô	3	Hộp/ 10 Cái	Cái	10	2.520.000	25.200.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
78	361	Kẹp khóa ống thông khi thay bộ chuyển	3	Hộp/12 cái	Cái	180	38.500	6.930.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự

STT	STT HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm theo thông tư 14	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do
79	362	Kẹp dây túi lọc màng bụng	6	Hộp/12 cái	Cái	120	28.000	3.360.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
80	366	Mặt nạ (mask) phun khí dung qua mở khí quản dùng 1 lần	3	Thùng/ 30 cái	Cái	100	140.700	14.070.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
81	367	Mặt nạ (mask) mũi miệng, dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần, các cỡ	6	Gói/1 cái	Cái	20	1.470.000	29.400.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
82	368	Phin lọc vi khuẩn, tương thích máy KoKo PFT	Không phân nhóm	Gói/1 cái	Cái	20.000	39.000	780.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
83	376	Dung dịch lọc máu I	5	can/ 10 lít	Can	3.800	144.000	547.200.000	Vượt giá kế hoạch
84	388	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, 1500ml	6	Thùng/ 12 Bộ	Bộ	1.000	367.510	367.510.000	Vượt giá kế hoạch
85	392	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật	3	Gói/1 cái	Cái	2.000	73.500	147.000.000	Vượt giá kế hoạch
86	393	Cán dao cắt lông tóc trước phẫu thuật	3	Thùng/1 cái	Cái	3	1.440.000	4.320.000	Vượt giá kế hoạch
87	396	Dây thắt mạch máu	3	Cuộn/ 25 cái	Cái	5.000	6.100	30.500.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
88	398	Gel điện tim 250ml	3	Ống/ 250ml	ống	1.500	13.960	20.940.000	Vượt giá kế hoạch
89	400	Chất bôi trơn tan trong nước, 82g	6	Ống/ 82g	Ống	3.100	47.500	147.250.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
90	404	Giấy đo điện tim, 63mmx30m, tương thích máy NIHOKODEN CadiofaxC	3	Gói/10 cuộn	Cuộn	3.000	15.000	45.000.000	Vượt giá kế hoạch
91	405	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế, 1,5 lít	6	Bao/50 cái	Cái	30.000	9.660	289.800.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
92	406	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế, 6,8 lít	5	Bao/25 cái	Cái	10.000	18.690	186.900.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
93	410	Khẩu trang y tế dây thun	6	Gói/1 cái	Cái	1.100.000	756	831.600.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
94	411	Kính bảo hộ mắt sử dụng một lần	6	Hộp/ 12 cái	Cái	1.800	18.700	33.660.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
95	412	Tấm lót 37cm x 36m	6	Cuộn/120 miếng	Miếng	21.000	1.415	29.715.000	Danh mục nhà thầu tham dự không đạt tính hợp lệ của HSĐT
96	415	Tấm lót giường bằng nhựa, 60 x 90cm	5	Cuộn/ 100 tấm	Tấm	15.000	5.657	84.855.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
97	424	Thuốc đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	3	Hộp/10 cái	Cái	10	148.995	1.489.950	Danh mục không có nhà thầu tham dự
98	425	Túi chườm	6	Gói/1 cái	Cái	324	28.000	9.072.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
99	426	Vớ bao chân	5	Bao/500 đôi	Đôi	25.000	690	17.250.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
100	430	Vòng thắt trĩ	3	Hộp /100 cái	Cái	2.000	4.830	9.660.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
101	431	Dụng cụ khám âm đạo tiết khuẩn	5	Gói/1 cái	Cái	2.250	4.830	10.867.500	Danh mục không có nhà thầu tham dự
102	432	Nút đẩy catheter	3	Hộp/100 cái	Cái	15.000	2.751	41.265.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
103	442	Bao kính hiển vi, chất liệu nhựa PE 150x200cm	5	Gói/1 cái	Cái	1.000	23.100	23.100.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
104	450	Giấy in dùng ghi tim thai và cơn gò, cỡ 152mm x 90mm x 150 tờ	6	Xấp/150 tờ	Xấp	150	39.000	5.850.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
105	452	Que thử dùng trong chẩn đoán sinh non	3	Gói/1 bộ	Bộ	5	1.298.000	6.490.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
106	453	Màng đo và hiệu chỉnh Bilirubin qua da	Không phân nhóm	Gói/50 cái	Cái	1.000	62.800	62.800.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
107	455	Bộ dụng cụ tập thở	3	Gói/ 1 bộ	Bộ	700	400.000	280.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
108	456	Bao cao su	5	Hộp/ 3 cái	Cái	120.000	889	106.680.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự

STT	STT HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm theo thông tư 14	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do
109	465	Bộ test kiểm tra quy trình tiết khuẩn	3	Gói/ 1 bộ	Bộ	80	135.000	10.800.000	Vượt giá kế hoạch
110	467	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho tiết khuẩn hơi nước	3	Túi/500 cái	Cái	179.720	2.672	480.211.840	Vượt giá kế hoạch
111	469	Dầu bôi trơn dụng cụ trước khi tiệt trùng 300ml	Không phân nhóm	Hộp/1 chai	Chai	126	420.000	52.920.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
112	470	Dầu bôi trơn dụng cụ, dạng nhỏ giọt, dung tích 50ml	Không phân nhóm	Chai / 50ml	Chai	12	267.750	3.213.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
113	474	Giấy in nhiệt dùng ghi tín hiệu điện tâm đồ, cỡ 90 x 90mm	6	Xấp/400 tờ	Xấp	100	40.000	4.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
114	481	Giấy kiểm tra chất lượng máy tiệt khuẩn hơi nước	3	Hộp/ 50 miếng	Miếng	1.700	30.000	51.000.000	Vượt giá kế hoạch
115	493	Túi ép phồng, cỡ 150mm x 50/55mm x 100 m	5	Thùng/4 cuộn	Cuộn	156	792.000	123.552.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
116	505	Chỉ thị sinh học kiểm tra tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide	3	Hộp/50 ống	Ống	800	90.000	72.000.000	Vượt giá kế hoạch
117	509	Bóng dùng cho ống soi khí phế quản	3	Hộp/20 cái	Cái	200	765.000	153.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
118	513	Miếng ghép tạo hình mũi dạng lưới	3	Túi/ 1 cái	Cái	2	4.000.000	8.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
119	514	Túi đặt ngực hình giọt nước bề mặt nhám các cỡ	3	Hộp/1 cái	Cái	10	9.632.700	96.327.000	Vượt giá kế hoạch
120	516	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, vỏ mỏng, các cỡ	3	Hộp/1 cái	Cái	6	12.600.000	75.600.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
121	517	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn các cỡ	3	Hộp/ 1 cái	Cái	60	5.760.000	345.600.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
122	521	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản, dùng 1 lần	3	Hộp/1 bộ	Bộ	50	4.032.000	201.600.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
123	524	Bộ kết nối máy thở phân phức mạch tự động người lớn	6	Hộp/30 cái	Cái	800	228.000	182.400.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
124	528	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt	3	Hộp/1 cái	cái	50	360.000	18.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
125	531	Chăn làm ấm toàn thân người lớn	4	hộp/ 25 cái	Cái	200	275.000	55.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
126	533	Dụng cụ nâng cổ tử cung	3	Gói/1 cái	Cái	10	1.596.000	15.960.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
127	535	Băng keo chỉ thị nhiệt, cỡ 50mx19mm	5	gói/ cuộn	cuộn	20	110.000	2.200.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
128	536	Giấy in nhiệt, cỡ 57mm x 20m	6	Gói/1 cuộn	Cuộn	382	15.400	5.882.800	Danh mục không có nhà thầu tham dự
129	538	Kim dây chỉ 0.3 x 33mm	6	Hộp 20 vi/ 5 cái	Cái	53.000	418	22.154.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
130	541	Ống mở khí quản dài	3	1 Cái/ Hộp	Cái	2	12.000.000	24.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
131	550	Bình làm ấm tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN- 001	6	Gói/cái	cái	200	350.000	70.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
Tổng cộng:		131 danh mục						30.439.468.770	